CỪU BÁI NHIÊN
TRẦN VĂN KỲ dịch

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG LÂM SÀNG NHỮNG BÀI THUỐC BỔ ĐÔNG Y CHỌN LỌC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

NHỮNG BÀI THUỐC BỔ ĐÔNG Y CHỌN LỌC

(Nghiên cứu và ứng dụng lâm sàng)

Tác giả: **CỪU BÁI NHIÊN**
GS.BS TRẦN VĂN KỲ *(Biên dịch)*

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG LÂM SÀNG NHỮNG BÀI THUỐC BỔ ĐÔNG Y CHỌN LỌC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Sách **"Những bài thuốc bổ Đông y chọn lọc"** được biên dịch từ sách **Trung y lịch đại danh phương tập thành** (những bài thuốc Trung y nổi tiếng qua các thời đại) do Cừu Bái Nhiên và cộng sự biên soạn, Nhà xuất bản Từ Thư Thượng Hải xuất bản lần thứ nhất tháng 3 năm 1994 và tái bản lần thứ 2 tháng 6 năm 1998.

Sách gồm hơn 100 bài thuốc phổ biến gồm các loại thuốc bổ khí, thuốc bổ huyết, thuốc bổ âm và thuốc bổ dương. Trong mỗi bài thuốc đều lần lượt giới thiệu về tên và xuất xứ (thời đại và tên sách, các tên khác nếu có); thành phần (tên vị thuốc và liều lượng); cách dùng (và bào chế nếu có); ứng dụng lâm sàng (ghi rõ các loại bệnh chứng được điều trị, số ca, cách sử dụng bài thuốc, kết quả điều trị và tư liệu tham khảo); chú ý lúc dùng (chủ yếu nói rõ chỉ định của bài thuốc, tác dụng của các vị thuốc, cách gia giảm nếu có); bài thuốc cùng tên (để phân biệt và kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại (nếu có).

Những nội dung trên đây là rất cần cho người thầy thuốc lâm sàng để tham khảo trị bệnh tốt hơn. Hy vọng cuốn sách này khi xuất bản sẽ đến tay được nhiều bạn đọc và trở thành tài liệu bổ ích cho các bạn. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Nhân dây dịch giả cũng xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh và Nhà sách Quang Minh đã tận tình giúp đỡ để cuốn sách sớm ra mắt bạn đọc.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 9 năm 2005

Dịch giả **Trần Văn Kỳ**

CHƯƠNG I
BÀI THUỐC BỔ KHÍ

TỨ QUÂN TỬ THANG

(Tống - Thái Bình Huệ Dân hòa tễ cục phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 10g, bạch truật 10g, phục linh 10g, chích cam thảo 6g. Tất cả tán bột, mỗi lần 6g đem sắc uống hoặc tán bột mịn làm hoàn, mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 3 lần.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ. Chủ trị chứng tỳ vị khí hư, sắc mặt tái nhợt, tiếng nói nhỏ, mệt mỏi, ăn ít, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch hư nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng viêm dạ dày mạn tính, loét dạ dày hành tá tràng, rối loạn tiêu hóa. Hoặc trị viêm dạ dày cấp, băng lậu, u xơ tử cung, trẻ em chảy máu cam, viêm gan mạn, mề đay, viêm túi mật mạn, nôn thai nghén.

1. Chứng vị quản thống: Dùng bài thuốc gia giảm trị 38 ca, trong đó viêm dạ dày mạn tính 12 ca, loét dạ dày tá tràng 17 ca, viêm dạ dày mạn tính kết hợp loét dạ dày tá tràng 6 ca, viêm dạ dày cấp 2 ca, sa dạ dày 1 ca. Kết quả tiến bộ rõ rệt 26 ca, có kết quả 12 ca, bình quân thời gian uống thuốc 58 ngày. *(Báo Quảng Tây Trung Y Dược, số tháng 6-1983).*

2. *Băng lậu:* Dùng bài thuốc gia giảm trị 42 ca. Kết quả khỏi bệnh 32 ca, tiến bộ rõ rệt 5 ca, có kết quả, không kết quả 2 ca. *(Học Báo Học Viện Trung Y Quý Dương, số tháng 3-1990).*

3. Viêm gan mạn tính hoạt động: Dùng bài thuốc gia giảm trị 40 ca HBsAg (+), Pt bình quân 262,3 đơn vị. Kết quả sau 4-5 tháng điều trị toàn bộ đều khỏi, trong đó có 28 ca HBsAg (-) *(Tạp chí Trung y, số tháng 8-1983).* Bài thuốc gia thạch cao trị 3 ca, kết quả đều khỏi, theo dõi 2 năm không tái phát *(Tạp chí Trung Y Bắc Kinh số tháng 1-1990).*

4. Chảy máu cam trẻ em: Dùng bài thuốc gia giảm trị 46 ca. Kết quả khỏi 33 ca, có kết quả 11 ca, không kết quả 2 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 15 ngày, dài nhất 30 ngày. *(Báo Trung Y Dược Quảng Tây, số tháng 2-1990).*

5. Trẻ em sốt nhẹ: Dùng bài thuốc gia sơn dược điều trị 30 ca đều khỏi. *(Báo Trung y Triết Giang, số tháng 10-1990).*

6. U xơ tử cung: Bài thuốc gia truật, tam lăng, ngưu tất trị 13 ca. Kết quả tốt 10 ca, có kết quả 1 ca, không khỏi 2 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 20 ngày, dài nhất 125 ngày, bình quân 58,4 ngày. *(Báo Trung y Triết Giang, số tháng 10-1979).*

7. Nôn thai nghén: Bài thuốc gia trần bì, trúc nhự, hậu phác. Trị 1 ca có thai 2 tháng buồn nôn, nôn, chán ăn. Kết quả sau khi uống 1 tháng buồn nôn giảm và hết nôn, uống tiếp 4 thang khỏi bệnh, không tái phát. *(Báo Trung Y Dược Hắc Long Giang, số tháng 1-1989).*

8. Viêm túi mật mạn tính: Bài thuốc gia hoàng kỳ, sơn tra, uất kim, trị một bệnh nhân viêm túi mật, đau hạ sườn phải đã 1 năm, đau xuyên ra sau lưng, mệt mỏi, siêu âm thấy bờ túi mật dày 3mm. Kết quả sau khi uống 20 thang, hết đau, ăn tốt, túi mật không to, bờ không dày. *(Báo Tân Cương Trung Y Dược, số tháng 3-1989).*

LỤC QUÂN TỬ THANG

(Minh - Y học chính truyện)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 3g, bạch truật 4,5g, phục linh 3g, chính cam thảo 3g, trần bì 3g, bán hạ 4,5g, gia đại táo 2 quả, sinh khương 3 lát. Tất cả đem sắc uống, mỗi lần 6-9g, ngày 2-3 lần, uống với nước sôi ấm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Kiện tỳ ích khí hòa vị hóa đàm. Chủ trị chứng tỳ vị hư nhược kiêm đàm thấp, nôn, buồn nôn, ho, ngực tức, đàm nhiều loãng trắng, chán ăn, đại tiện nhão, chất lưỡi nhầy.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng viêm dạ dày mạn tính, loét dạ dày hành tá tràng, viêm phế quản mạn tính, tiêu chảy, chứng đới hạ, chứng mạn kinh phong, chứng đục thủy tinh thể....

1. Vị quản thống mạn tính: Dùng bài thuốc gia giảm trị 123 ca, trong đó viêm dạ dày mạn tính 86 ca, loét dạ dày tá tràng 13 ca, viêm kết hợp loét dạ dày 24 ca. Kết quả rõ rệt 49 ca, có kết quả 65 ca, không kết quả 9 ca. *(Học Báo Trung Y Học viện An Huy, số tháng 1-1987).*

2. Tiêu chảy trẻ em: Dùng bài thuốc gia giảm trị 150 ca. Kết quả khỏi 144 ca, không kết quả 6 ca, trong đó có 10 ca tiêu chảy nặng, mất nước có gia thêm truyền dịch. *(Học Báo Trung Y Học Viện Vân Nam, số tháng 1-1978).*

3. Nôn thai nghén: Bài thuốc gia thêm khương trúc nhự, tô ngạnh; điều trị 93 ca, trong đó có thai lần đầu 26 ca. Kết quả đều khỏi, thời gian uống thuốc ngắn nhất 2 ngày, dài nhất 14 ngày *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 7-1959).* Bài thuốc gia giảm trị 52 ca, kết quả đều khỏi, thời gian uống thuốc ngắn nhất 1 ngày, dài nhất 5 ngày *(Tạp chí Phụ Sản Khoa Trung Hoa, số tháng 1-1960).*

4. Chứng bạch đới: Bài thuốc gia giảm điều trị 1 ca mắc bệnh đã 3 năm, huyết trắng nhiều, hôi, lúc vàng lúc trắng. Kết quả sau khi uống 2 thang thì huyết trắng giảm, uống 6 thang khỏi bệnh, theo dõi 4 năm không tái phát. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số thang 3-1987).*

5. Chứng mạn kinh phong: Dùng bài thuốc gia giảm điều trị 1 ca bệnh nhi 18 tháng, có cơn động kinh 2 tháng, lúc lên cơn mắt trợn ngược, sắc mặt xanh tái, hôn mê. Kết quả uống 2 thang hết kinh, uống thêm 7 thang thì khỏi. Theo dõi 6 tháng không tái phát. *(Học Báo Trung Y Học Viện Hồ Nam, số tháng 4-1989).*

DỊ CÔNG TÁN

(Tống - Tiểu nhi dược chứng trực quyết. Còn gọi là Ngũ vị dị công tán)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 100g, bạch truật 90g, phục linh 90g, chính cam thảo 60g, trần bì 90g. Các vị thuốc tán bột mịn màng làm thuốc tán, mỗi lần 6-9g, gia sinh khương 5 lát, đại táo 2 quả, sắc nước uống, cũng có thể làm thuốc thang sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ hòa vị. Chủ trị chứng tỳ vị hư nhược, khí trệ, chán ăn, ngực bụng đầy tức, đại tiện lỏng, rối loạn tiêu hóa hoặc nôn, tiêu chảy.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng cho trị trẻ em bị rối loạn tiêu hóa do tỳ vị hư nhược, chán ăn, tiêu chảy, chứng viêm dạ dày mạn tính, cũng có thể dùng trị chứng xuất huyết tiêu hóa trên, rụng tóc, huyết trắng, nôn....

1. Viêm dạ dày mạn tính: Bài thuốc gia giảm điều trị 44 ca gồm có viêm dạ dày teo, viêm dạ dày phì đại, viêm niêm mạc dạ dày. Kết quả: có kết quả 43 ca, không kết quả 1 ca, trong đó 18 ca được soi dạ dày, tốt 12 ca, không thay đổi 6 ca *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 1-1990).*

2. *Xuất huyết tiêu hóa trên:* Bài này gia giảm trị 84 ca. Trong đó loét hành tá tràng 50 ca, loét dạ dày 11 ca, viêm dạ dày 8 ca, chẩn đoán không rõ 15 ca. Kết quả toàn bộ không còn xuất huyết, đau giảm, phản ứng máu phân âm tính, thời gian uống thuốc ngắn nhất là 3 ngày, dài nhất 15 ngày, trong đó 47 ca do xuất huyết nhiều hoặc có thổ huyết, choáng, đã kết hợp truyền máu, truyền dịch, dùng thuốc cầm máu. *(Trung Y Tạp chí, số tháng 4-1983).*

3. Bệnh đới hạ: Bài thuốc gia giảm điều trị 3 ca, kết quả đều khỏi. Trong đó thời gian uống thuốc ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 7 ngày. *(Học Báo Trung Y Học Viện Quý Dương, số tháng 9-1983).*

4. Rụng tóc: Bài này gia giảm trị 16 ca, kết quả đều khỏi. *(Học Báo Trung Y học Viện Quý Dương, số tháng 2-1985).* Bài này gia phòng phong, đương quy. Trị 1 bệnh nhân, tóc rụng nhiều đã 7 tháng, sắc mặt kém tươi nhuận, người mệt mỏi, ăn kém. Kết quả sau khi uống 20 thang, tóc hết rụng, ăn ngon, tóc mọc dần thêm. Theo dõi bệnh nhân hết rụng. *(Báo Trung Y Dược Triết Giang, số tháng 3-1979).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng điều trị chứng tỳ vị hư nhược, tiêu hóa kém, khí tuệ không thông. Bài thuốc gồm Tứ quân tử thang gia trần bì, có tác dụng ích khí kiện tỳ và lý khí hòa vị. Trên lâm sàng, hiệu quả chủ yếu là trị chứng khí hư, mệt mỏi, ngực bụng đầy tức, ăn kém.

Trên lâm sàng, nếu thấy thấp thịnh bỏ nhân sâm, bạch truật, gia thương truật, bán hạ, ý dĩ; tỳ vị hư hàn gia chế phụ phiến, can khương, tất bạc; khí trệ nhiều gia mộc hương, chỉ xác.

Những bài thuốc cùng tên

1. Dị công tán *(Y học chính truyện).* Gồm có mộc hương, đương qui, quế tâm, bạch truật, phục linh, trần bì, hậu phác, nhân sâm, nhục đậu khấu, đinh hương, bán hạ, phụ tử, sinh khương, đại táo.

- Tác dụng: hồi dương cứu nghịch, chủ trị quyết tâm bệnh, lưỡi rụt.

2. Dị công tán *(Chính trị chuẩn thằng).* Gồm các vị ô dược, xuyên khung, cát cánh, mẫu đơn bì, bạch chỉ, đương quy, bạch thược, diên hồ sách, quan quế, can khương, trần bì, sinh khương.

- Tác dụng: điều khí hoạt huyết, ôn trung khư hàn, chủ trị phụ nữ huyết khí hư lãnh, đầu đau, sợ lạnh, chân tay mệt mỏi.

3. Dị công tán *(Dịch sa thảo).* Gồm có ban miêu, huyết kiệt, một dược, nhũ hương, toàn kết, huền sâm, xạ hương.

- Tác dụng: hoạt huyết, giải độc, tán phong thông khiếu. Chủ trị chứng lạn hầu phong, hầu bế, hầu nga. Bài này chỉ dùng ngoài.

HƯƠNG SA LỤC QUÂN TỬ THANG

(Thanh - Y phương lập giải)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 10g, bạch truật 9g, phục linh 9g, chích cam thảo 5g, trần bì 9g, bán hạ 9g, hương phụ (hiện nay dùng mộc hương) 6g, sa nhân 6g, sắc nước uống hoặc làm hoàn, mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 2-3 lần.

*** Tác dụng và chỉ định:**

Kiện tỳ ích khí, lý khí sơ trung. Chủ trị tỳ vị khí hư, hàn thấp trệ ở trung tiêu, bụng trên đầy trướng đau, chán ăn, ợ hơi, nôn, tiêu chảy, rêu lưỡi trắng nhầy.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng vị quản thống, loét dạ dày và hành tá tràng, viêm dạ dày mạn tính, viêm ruột mạn tính, rối loạn chức năng đại tràng; dùng trị chứng viêm thận mạn, u rê huyết tăng....

1. Chứng vị quản thống: Bài thuốc gia giảm, trị 125 ca, kết quả trị khỏi 86 ca, kết quả rõ rệt 22 ca, có kết quả 17 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 30 ngày, dài nhất 90 ngày. *(Báo Hà Nam Trung Y, số tháng 3-1986).*

2. Loét dạ dày hành tá tràng: Bài thuốc gia giảm điều trị 15 ca, chẩn đoán bằng soi dạ dày, loét dạ dày hành tá tràng 12 ca, loét dạ dày 2 ca, loét dạ dày và hành tá tràng 1 ca. Kết quả rõ rệt 13 ca, có kết quả 1 ca, không kết quả 1 ca, trong đó thời gian uống ngắn nhất 14 ngày, dài nhất 42 ngày. *(Báo Thiểm Tây Trung Y, số tháng 4-1983).*

3. Viêm thận mạn tính: Urê cao, bài này gia giảm trị 30 ca, kết quả tốt (u rê huyết bình thường) 26 ca, có kết quả (triệu chứng lâm sàng được cải thiện) 4 ca. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 7-1986).*

4. Khôi phụ sức khỏe sau phẫu thuật bụng: Điều trị 14 ca sau phẫu thuật bao gồm cơ thể hư nhược, ăn uống kém, bụng đầy tức, ho. Kết quả toàn bộ đều tốt. *(Học báo Trung Y Học Viện Quý Dương, số tháng 1-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc dùng điều trị chứng tỳ vị khí hư, hàn thấp trở trệ. Trong bài Tứ quân tử thang kiện tỳ bổ khí hợp bán hạ, trần bì, hương phụ, sa nhân; hành trệ hóa thấp, trong kiện có tiêu, trong hành có bổ, đó là đặc điểm của phối ngũ.

Trên lâm sàng thường dùng trị chứng tỳ vị khí hư, bụng đầy trướng đau, ăn kém ợ hơi, rêu lưỡi trắng nhầy. Trường hợp bụng đau nhiều có thể gia ngô thù du, cao lương khương; hàn thấp nặng gia nhục quế, can khương; ợ chua gia hải phiêu tiêu.

Những bài thuốc cùng tên

1. Hương sa lục quân tử thang *(Cảnh Nhạc toàn thư).* Gồm nhân sâm, bạch truật, phục linh, bán hạ, trần bì, sa nhân, hoắc hương, chích thảo, sinh khương.

- Tác dụng: kiện tỳ bổ khí, lý khí hóa vị.

- Chủ trị chứng tỳ vị hư hàn, ăn ít hay nôn, bụng trên đầy tức, miệng hoạt, rêu lưỡi trắng nhầy.

2. Hương sa lục quân tử thang *(Tăng bổ vạn bệnh hồi xuân).* Gồm có hương phụ, bạch truật, phục linh, khương bán hạ, trần bì, bạch đậu khấu, hậu phác, sa nhân, ích trí nhân, chích thảo.

- Tác dụng: ích khí kiện tỳ, ôn trung tán hàn.

- Chủ trị chứng tỳ vị hư hàn, bụng trên đau, không muốn ăn.

3. Hương sa lục quân tử thang *(Trương Thị y thông).* Gồm có nhân sâm, sao bạch truật, phục linh, bán hạ, quất bì, chích cam thảo, mộc hương, sa nhân, sinh khương, ô mai, đại táo.

- Tác dụng: kiện tỳ lý khí hòa vị hóa đàm.

- Chủ trị chứng khí hư đàm thực khí trệ, mệt mỏi, ăn ít, ho nhiều đàm, buồn nôn, nôn, bụng đầy, tiêu chảy.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại chứng minh bài này có tác dụng thay đổi kết cấu của tế bào lâm ba ngoại vi được hồi phục bình thường và có tác dụng hiệu chính tế bào T, B tỷ lệ bình thường, tức là điều chỉnh chức năng miễn dịch bị hỗn loạn trở lại bình thường, có tác dụng đối kháng với histamin và có tác dụng kháng adrenalin khiến cho vận động của ruột bớt căng thẳng nhưng không ức chế sự co bóp của ruột.

ĐỘC SÂM THANG

(Nguyên - Thập dược thần thư)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 30g. Tán bột mịn gia đại táo 5 quả, sắc nước uống. Hiện thường tán bột mịn, mỗi lần uống 3g với nước sôi ấm hoặc sắc đặc uống. Cũng có thể chế thành dịch chích hoặc dịch uống. Uống mỗi lần 10ml, ngày uống 1-2 lần.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Đại bổ nguyên khí, phò nguy cứu thoát. Chủ trị chứng nguyên khí đại hư, dương khí bạo thoát, sắc mặt tái nhợt, chân tay lạnh ra nhiều mồ hôi, thở yếu mạch vi muốn tuyệt.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng chảy máu nhiều, choáng do nhiễm khuẩn cấp, suy tim, nhồi máu cơ tim, viêm gan nặng....có thể dùng trị viêm mũi dị ứng, xuất huyết tử cung cơ năng, nất cụt...

1. Trị chóng mặt sau khi sanh: đã trị 90 ca, kết quả sau thời gian uống thuốc 7-10 ngày hết chóng mặt *(Tạp chí Trung Y cấp, số tháng 6-1989).*

2. Trị bệnh mạch vành: 31 ca chích tĩnh mạch trong đó thiếu máu cơ tim 25 ca (kiểm tra điện tâm đồ), cơ tim xơ cứng cũ 5 ca, các loại loạn nhịp tim 8 ca. Kết quả sau 30-60 ngày điều trị, cơn đau tim giảm 93,54% trong số đó kết quả rõ rệt 80,64%, điện tâm đồ thiếu máu cơ tim được cải thiện 76,66%, 1 ca tim loạn nhịp khỏi, 3 ca có tiến bộ *(Báo Y học An Huy, số tháng 3-1988).*

3. Trị nhồi máu cơ tim: Bệnh nhân vùng trước tim đau, váng đầu, buồn nôn, bứt rứt, điện tim thể hiện nhồi máu cơ tim thành trước cấp, uống độc sâm thang 2 giờ sau, huyết áp hồi phục bình thường, cho thêm độc sâm thang gia vị thì kết quả 45 ca hết triệu chứng lâm sàng, điện tim hồi phục bình thường *(Trung Y Dược Học Báo, số tháng 2-1987).*

4. Trị viêm gan virut B thể nặng bán cấp: Bệnh nhân không ăn uống, buồn nôn, bứt rứt, da mắt vàng đậm, gan to dưới bờ sườn 1cm, gõ đau, chỉ số hoàng đản 120 đv., GPT 97 đv. Sau uống thuốc 7 ngày, bệnh tình giảm nhẹ, sau 14 ngày vàng da mắt giảm rõ, sau 60 ngày hết triệu chứng lâm sàng, chức năng gan hồi phục bình thường. *(Trung Y Dược Học Báo, số tháng 6-1986).*

5. Trị viêm mũi dị ứng: 70 ca, dùng dịch nhân sâm chích vào rãnh dưới vách mũi. Kết quả khỏi 35 ca, có kết quả 33 ca, không kết quả 2 ca. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết Hợp, số tháng 7-1988).*

6. Trị xuất huyết tử cung cơ năng: 37 ca. Kết quả sau 5 ngày uống thuốc khỏi 5 ca, khá 14 ca, có kết quả 10 ca, không khỏi 8 ca. *(Tạp chí Trung Y Triết Gaing, số tháng 5-1986).*

7. Trị nấc cụt: Bệnh nhân nấc cụt đã 10 năm, mỗi lần lao động mệt hoặc gặp lạnh lên cơn nấc cụt khó cầm. Cho uống sâm 3 ngày khỏi. Theo dõi 1 năm không tái phát. *(Tạp chí Trung Y Vân Nam, số tháng 3-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Chỉ định của bài Độc sâm thang chủ yếu là chứng khí suy, triệu chứng lâm sàng nếu có dương khí hư nhược, chân tay lạnh thì nhiều gia phụ tử để ích khí hồi dương; khí âm hư nhược, miệng khát, mồ hôi nhiều gia mạch môn, ngũ vị tử để ích khí liễm âm.

*** Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại**

Cho thấy nhân sâm có những tác dụng sau đây:

a. Đối với vỏ não có tác dụng 2 chiều ức chế và hưng phấn, giúp cho 2 quá trình trở lại cân bằng không tạo căng thẳng và gây rối loạn; có tác dụng nâng cao khả nang tư duy và lao động.

b. Làm thay đổi tính phản ứng của cơ thể, tăng năng lực phòng vệ của cơ thể đối với những kích thích có hại, nâng cao khả năng thích nghi của cơ thể.

c. Tăng cường sự chuyển dạng lympho bào, nâng cao hàm lượng gamma - globulin, IgM, tăng tính miễn dịch của cơ thể, nâng cao khả năng thực bào của hệ lưỡi nội bì.

d. Điều tiết chức năng tim, dãn hoặc làm co mạch máu, điều chỉnh huyết áp, chống choáng.

e. Kích thích hệ tuyến yên thượng thận, tăng tiết ACTH tăng tiết nội tiết tố vỏ thượng thận, CAMP.

f. Ức chế gluco huyết, cholesterol huyết tăng cao. Kháng Lipit huyết cao, thúc tiến sự hợp thành protein RNA, DNA.

G. Nâng cao chức năng giải độc của gan, làm tăng lượng hồng cầu, globulin và lượng bạch cầu trong máu.

h. Ức chế sự sinh trưởng của tế bào ung thư.

BẢO NGUYÊN THANG

(Minh - Bác ái tâm giám)

*** Thành phần và cách dùng:**

Chích hoàng kỳ 20g, nhân sâm 20g, chích thảo 5g, nhục quế 8g, gừng tươi 2 lát. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ khí ôn dương. Chủ trị chứng hư tổn, nguyên dương bất túc, mệt mỏi, hụt hơi sợ lạnh, trẻ em đậu chẩn, dương hư thóp lõm, huyết hư, nhọt chảy nước trong, khó lành miệng.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng viêm thận mạn tính, chứng suy tủy mạn tính, háo suyễn, đậu chẩn hư hãm, suy thận, viêm gan mạn, chứng mề đay lâu ngày, chính xung, băng lậu, mụn nhọt khó lành hoặc chứng liệt ruột....

1. Chứng suy tủy: Dùng thang này gia giảm trị 17 ca. Kết quả tốt 14 ca, có kết quả 1 ca, không khỏi 2 ca. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 12-1985).*

2. Suy thận mạn tính: Bài thuốc gia thêm đại hoàng trị 22 ca. Kết quả sau khi uống 21 thang, kết quả tốt 6 ca, có kết quả 9 ca, không kết quả 7 ca. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 1-1984).*

3. Viêm thận mạn tính: Bài thuốc gia giảm trị 14 ca. Kết quả sau khi uống 30 thang, kết quả tốt 4 ca, có kết quả 8 ca, không kết quả 2 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 6-1990).*

4. Viêm gan mạn tính: Bài thuốc gia nhục quế, bản lam căn điều trị 6 ca trong đó viêm gan kéo dài 4 ca, viêm gan mạn tính hoạt động 2 ca. Kết quả uống thuốc sau 21-45 ngày, lâm sàng đều chuyển biến tốt, chức năng gan hồi phục bình thường. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 3-1989).*

5. Băng lậu: Dùng bài thuốc gia giảm trị bệnh nhân băng huyết nhiều, hồi hộp khó thở, đau lưng, ăn ít. Kết quả sau khi uống hết 2 thang cầm được máu, uống thêm 6 thang bệnh khỏi. *(Tạp chí Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 4-1987).*

6. Liệt ruột, dính ruột: Dùng trị 697 ca trong đó loét dạ dày tá tràng 265 ca, viêm và sỏi túi mật 126 ca, viêm ruột thừa mạn tính 283 ca, chứng tĩnh mạch cửa cao áp 23 ca. Kết quả đại bộ phận bệnh nhân trung tiện, đai tiện sớm, từ 1-2 ngày có thể ăn lỏng; trong đó có theo dõi 265 ca cắt bỏ phần lớn dạ dày, theo dõi lâu dài chỉ có 2 ca có ruột dính nhẹ. *(Báo Trung Y Thiên Tân, số tháng 5-1985).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng hư tổn lao nhược, nguyên khí bất túc. Trong bài, nhân sâm, hoàng kỳ, cam thảo bổ trung ích khí, phối hợp quế nhục ôn dương, trên lâm sàng dùng trị chứng mệt mỏi sợ lạnh, mạch tế nhược là chính. Trường hợp thận dương hư nặng gia phụ tử, bổ cốt chi, nhục thung dung, phù gia trư linh, trạch tả, xa tiền tử; trường hợp âm hư bỏ nhục quế gia mạch đông, sinh địa.

Những bài thuốc có cùng tên

1. Bảo nguyên thang *(Y tông kim giám):* gồm nhân sâm, bạch truật, đương quy, chích hoàng kỳ, sinh khương, hồng táo. Có tác dụng bổ khí ích tỳ, trưởng cơ liễm sang; chủ trị các chứng ung nhọt lâu ngày không lành miệng, mủ trong loãng, người gầy, mặt vàng, ăn kém, tiêu chảy.

2. Bảo nguyên thang *(Quan tụ phương yếu bổ):* gồm quế chi, chích thảo, bạch truật, nhân sâm, đương quy, sinh phụ tử. Có tác dụng ích khí, cố thoát, chủ trị chứng phong hư thoát, đột quỵ, hôn mê, tứ chi quyết lạnh, mạch tế dục tuyệt.

3. Bảo nguyên thang *(Y học nhập môn):* gồm nhân sâm, hoàng kỳ, cam thảo, sinh khương; có tác dụng ích khí, ôn dương; chủ trị trẻ em mạn kinh phong, đậu chẩn khó mọc, hình khí bất túc.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

- *Chứng minh bài thuốc có tác dụng:* Tăng tác dụng thực bào của tế bào võng, hạn chế phản ứng miễn dịch đối với tổn thất viêm tính của gan. Ức chế sự sản sinh kháng thể đặc dị của tế bào gan. Tăng cường năng lực phân hóa của tế bào lâm ba T, làm cho hoạt tính của IgE của huyết thanh giảm, làm giảm protein niệu, creatinin huyết thanh, đồng thời có tác dụng nâng cao protein huyết thanh, cải thiện chức năng tim suy.

CỐ CHÂN THANG

(Minh - Chứng trị chuẩn thằng)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, bạch truật, thục phụ tử đều 8g, phục linh, hoàng kỳ, nhục quế, sơn dược, chích cam thảo đều 6g, sinh khương 3 lát, hồng táo 1 quả, sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Kiện tỳ ích khí, ôn trung tán hàn. Chủ trị chứng tỳ thận hư hàn, sắc mặt tái nhợt, chân tay quyết lạnh, mồ hôi trán ra nhiều, tinh thần mệt mỏi, hôn mê ngủ sâu, mồm mũi khí mát, tay chân run giật, chất lưỡi nhợt, rêu trắng hoạt, mạch trầm tế vô lực.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị các chứng loét dạ dày tá tràng, viêm ruột mạn tính, viêm kết tràng, viêm thận mạn tính, sa trực tràng.

1. Loét dạ dày tá tràng: Dùng bài thuốc gia giảm, trị thể bệnh tỳ vị hư hàn. Nếu có triệu chứng đau vùng thượng vị gia mộc hương, ô dược, diên hồ sách; sau khi ăn xong bụng đầy gia chỉ xác, sơn tra, kê nội kim; chán ăn gia cốc nha, mạch nha, sa nhân; ợ chua, ợ hơi gia mẫu lệ, toàn phúc ngạch, chế bán hạ.

2. Viêm ruột mạn tính: Dùng bài thuốc gia giảm trị thể bệnh tỳ vị hư hàn. Trường hợp bụng đau gia mộc hương, chế hương phụ; chán ăn gia chế bán hạ, tiêu sơn tra, tiêu thần khúc, phật thủ phiến.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ thận hư hàn. Trong bài, nhân sâm, hoàng kỳ, bạch truật kiện tỳ ích khí; thục phụ tử, nhục quế ôn thận trợ dương. Trên lâm sàng chủ yếu dùng trị chứng vùng bụng trên hư lạnh, chân tay lạnh, rêu trắng, mạch trì. Trường hợp có kiêm chứng ngực đầy chán ăn, rêu lưỡi dày, nhầy gia thương truật, bán hạ, sa nhân; còn trường hợp tiêu chảy lâu ngày gia thạch lựu bì, ngũ bội tử, nhục quả; thận dương hư gia bổ cốt chi, tiên linh tỳ, tiên mao.

- Lưu ý: Trường hợp không phải chứng hư hàn không nên dùng.

CHỬNG DƯƠNG LÝ LAO THANG

(Minh - Y tông tất độc)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, trần bì, ngũ vị tử, nhục quế, chích cam thảo đều 6g; hoàng kỳ 12g, bạch truật, đương quy đều 9g, gia sinh khương 3 lát, đại táo 2 quả. Sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ôn bổ tỳ phế, chủ trị tỳ phế khí hư, tinh thần mệt mỏi, khí thiếu lười nói, chán ăn, ra mồ hôi, sắc mặc tái nhợt, chất lưỡi bệu, nhợt, mạch tế nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc được dùng trị các chứng viêm phế quản mạn tính, phế khí thũng, giãn phế quản, khạc ra máu. Suy tim phải, viêm loét dạ dày hành tá tràng, viêm ruột mạn tính, rối loạn tiêu hóa.

1. *Phế nuy:* Dùng bài này gia giảm điều trị chứng tỳ phế hư nhược, khí bất hóa tân. *(Thực Dụng Trung Y Nội Khoa, NXB Khoa Học Kỹ Thuật Thượng Hải).*

2. Ho ra máu (khái huyết): Đối với chứng khí không nhiếp huyết dùng bài thuốc gia giảm đề điều trị. Trường hợp không có chứng hàn bỏ nhục quế gia thục địa để tư âm dưỡng huyết; trường hợp cần tăng tác dụng cầm máu gia tiên hạc thảo, bạch cập, ai giao, bột tam thất. (*Sách Thực Dụng Trung Y Nội Khoa, NXB Khoa Học Kỹ Thuật Thượng Hải).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ phế hư nhược. Trong bài, nhân sâm, hoàng kỳ bổ phế kiện tỳ ích khí, ngũ vị tử liễm phế tùy, nhục quế ôn trung trợ dương, trần bì hành khí; trong bổ có thông, khiến cho bổ mà không trệ, đó là đặc điểm phối ngũ của bài thuốc. Trên lâm sàng chủ yếu dùng cho những chứng bệnh có đặc điểm thiếu khí: lười nói, sắc mặt kém tươi nhuận, tự ra mồ hôi, ăn uống kém, mạch tế nhược....Trường hợp trên lâm sàng có triệu chứng sợ lạnh, chân tay

lạnh gia phụ tử; tiêu lỏng gia ý dĩ nhân, phục linh; bụng trên đầy gia hương phụ, chỉ xác, có kiêm thấp gia thương truật, phục linh; đàm nhiều gia bán hạ, nam tính.

CHÍCH CAM THẢO THANG

(Hán - Thương hàn luận)

*** Thành phần và cách dùng:**

Chích cam thảo 12g, nhân sâm, quế chi, a giao, đều 9g, sinh địa 30g, mạch môn, ma nhân đều 10g, sinh khương 5g, đại táo 3 quả. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị;**

Ích khí dưỡng huyết, tư âm phục mạch. Cơ thể gầy đoản khí, hồi hộp dễ hốt hoảng, bứt rứt mất ngủ, đại tiện táo bón, chất lưỡi nhợt, ít rêu, mạch kết đại hoặc hư sác.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng viêm cơ tim do virut, thấp tim, tâm phế mạn, bệnh mạch vành, rối loạn nhịp tim, suy nhược thần kinh; còn dùng trị loét dạ dày tá tràng, viêm dạ dày thể teo, loét miệng, nấc cụt, huyết chứng, di chứng, chấn thương não, chứng tý...

1. Viêm cơ tim do vi rút: Đã dùng bài thuốc gia giảm trị 57 ca. Kết quả rõ rệt 18 ca, có kết quả 36 ca, không kết quả 3 ca. *(Báo Trung Y Bắc Kinh, số tháng 1-1990).* Còn dùng bài thuốc gia giảm điều trị 38 ca bệnh phát sinh trong quá trình bệnh nhiễm gồm: sởi 8 ca, sốt xuất huyết lưu hành 7 ca, cúm 5 ca, viêm tủy sống 5 ca, thủy đậu 4 ca, viêm gan vi rút 4 ca; điện tim có biểu hiện rối loạn nhịp tim như sóng T thấp hoặc đảo nghịch 22 ca, đoạn S-T thấp 15 ca, rối loạn truyền đạo 8 ca, 2 ca to tâm thất trái, 1 ca to tâm thất 2 bên. Kết quả khỏi 30 ca, có kết quả 4 ca, không kết quả 4 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 6 ngày, dài nhất 42 ngày *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 1-1984).*

2. Rối loạn nhịp tim: Bài thuốc gia giảm trị 50 ca, trong đó bệnh mạch vành 27 ca, viêm cơ tim 3 ca, không rõ nguyên nhân 12 ca, co bóp trước thất kỳ 5 ca, rung nhĩ 7 ca, co bóp trước nhĩ kỳ 6 ca, truyền đạo thất nhĩ ngưng trệ độ 2 ca, tim nhịp nhanh trên thất từng cơn 1 ca. Kết quả khỏi 35 ca, kết quả tốt nhất 8 ca, có kết

quả 7 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 20 ngày, dài nhất 5 năm. *(Báo Trung Y Thiên Tân, số tháng 3-1985).* Bài này gia giảm trị 56 ca khác, có kết quả: tốt 42 ca, có kết quả 8 ca, không kết quả 6 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 7-1989)*

3. Cơn đau thắt tim: Bài thuốc gia giảm trị 150 ca. Kết quả tốt 48 ca, có kết quả 90 ca, không kết quả 12 ca. *(Báo Y Dược Thiên Tân, số toàn niên -1977).*

4. Chứng loét tiêu hóa: Bài thuốc gia giảm trị 18 ca. Kết quả tốt 9 ca, có kết quả 8 ca, không kết quả 1 ca. *(Học Báo Trung Y Học Viện Thành Đô, số tháng 3-1959).*

5. Nấc cụt nặng: Bài thuốc gia giảm trị 14 ca, trong đó xuất huyết não 7 ca, nhồi máu não 3 ca, xuất huyết dưới màng nhện 2 ca, ung thư gan nấc cụt 2 ca. Kết quả sau khi uống 1-3 thang hết nấc cụt. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 11-1982).*

6. Huyết chứng: Bài thuốc gia giảm trị 4 ca gồm chứng băng lậu, kinh nguyệt quá nhiều, thai lậu, ác lộ không dứt. Kết quả toàn bộ khỏi. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 34 ngày. *(Báo Trung Y Dược Giang Tây, số tháng 1-1987).*

7. Lở miệng tái phát: Dùng bài thuốc gia giảm trị 18 ca. Kết quả khỏi 15 ca, có kết quả 2 ca, không kết quả 1 ca. *(Báo Hắc Long Giang Trung Y Dược, số tháng 1-1986).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị khí huyết hư, tim hồi hộp, mạch kết đại. Trong bài, chích thảo, nhân sâm, đại táo ích khí bổ tâm tỳ, sinh địa, a giao dưỡng tâm bổ huyết hợp quế chi thông dương phục mạnh. Trên lâm sàng chủ yếu dùng cho các chứng tâm quí, đoản khí, lưỡi nhợt, ít rêu, mạch kết đại hoặc hư sác.

Trường hợp khí hư nặng dùng nhân sâm, hoặc gia hoàng kỳ; âm hư nặng dùng sinh địa, mạch môn hoặc giảm liều sinh khương, quế chi; dương khí ở ngực thiếu gia phụ tử; nhịp tim rối loạn gia khổ sâm.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Trên thực nghiệm tạo môi trường thiếu oxy cho thấy bài thuốc có thể tăng tỷ lệ sống của chuột bạch nhỏ, thuốc có tác dụng bảo hộ lúc gây thiếu máu cơm tim cấp bằng nội tiết tố thùy sau tuyến yên, thuốc độc vị chích thảo có tác dụng tăng biên độ co bóp cơ tim, độc vị mạch môn có tác dụng tăng lực co bóp của cơ tim.

BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG

(Kim - Tỳ vị luận)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 15g, chích cam thảo 5g, nhân sâm 10g, đương qui 10g, trần bì 6g, thăng ma 3g, sài hồ 3g, bạch truật 10g. Sắc nước uống. Nếu làm hoàn, mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 2-3 lần với nước sôi ấm. Nếu là cao lỏng, mỗi lần uống 10-15ml, ngày uống 3 lần.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí thăng dương điều bổ tỳ vị. Chủ trị chứng tỳ vị khí hư, trung khí hạ hãm, sốt tự ra mồ hôi, sa tử cung, sa trực tràng hậu môn, hụt hơi lười nói, người mệt chân tay yếu, ăn không biết ngon. Đại tiện lỏng, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch yếu vô lực.

*** Ứng dụng lâm sàng**

Thường dùng trị sa dạ dày, sa tử cung, sa thận, nhược cơ nặng, cửu tả, băng lậu, đới hạ; còn dùng trị viêm gan mạn tính, thoát vị bẹn, viêm ruột, lồng ruột, nhũ niệu, trẻ em tiểu nhiều lần, tiểu không tự chủ, chứng long bế, cơn đau thận, chứng giảm bạch cầu, mất ngủ, ù tai, nấc cụt, chứng uất, di tinh, động kinh như:

1. Chứng sa dạ dày: Bài thuốc gia giảm trị 103 ca đều đã kiểm tra X quang xác định chẩn đoán, trong đó số dạ dày sa dưới đường liên mào chậu 5-12m 78 ca, 13-16cm 23 ca, 17cm 2 ca, kèm loét dạ dày 12 ca, loét tá tràng 3ca. Kết quả khỏi bệnh 54 ca, tốt 25 ca, có kết quả 22 ca, không kết quả 2 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 15 ngày, dài nhất 60 ngày. Có 23 ca trị khỏi có theo dõi từ 2-4 năm không tái phát. *(Tạp chí Tân Y Dược Học, số tháng 11-1974).* Cũng bài thuốc này gia giảm trị 42 ca khác, kết quả khỏi 30 ca, tố 5 ca, có kết quả 5 ca, không kết quả 2 ca. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 3-1960).*

2. Sa tử cung: Bài thuốc gia giảm trị 36 ca. Kết quả sau khi uống 30 thang khỏi 32 ca, có kết quả 4 ca. *(Báo Trung Y Dược Giang Tây, số tháng 12-1959).*

Cũng bài thuốc này gia giảm trị 23 ca khác, kết quả khỏi 18 ca, có kết quả 2 ca, không kết quả 3 ca. *(Tạp chí Y Dược Thiên Tân, số tháng 1-1960).*

3. Chứng đới hạ: Bài thuốc gia giảm trị 358 ca. Kết quả sau khi uống 5-8 thang, tất cả đều khỏi bệnh. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 11-1989).*

4. Chứng băng lậu: Bài thuốc gia giảm trị 26 ca. Kết quả khỏi 22 ca, có kết quả 3 ca, không khỏi 1 ca. Thời gian uống thuốc ít nhất 3 ngày, dài nhất 20 ngày. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 8-1986).*

5. Chứng yếu cơ nặng: Bài thuốc gia giảm trị 53 ca. Kết quả khỏi 22 ca, kết quả tốt 10 ca, có kết quả 5 ca, không kết quả 16 ca. *(Báo Trung Y Tạp chí, số tháng 6-1980).* Bài thuốc gia giảm trị sụp mi 32 con mắt (28 người bệnh). Kết quả khỏi 23 con, tốt 4 con, có kết quả 3 con, không kết quả 2 con. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 5-1987).*

6. Viêm gan mạn tính: Bài thuốc gia giảm trị 20 ca, trong đó HBsAg dương tính 5 ca, GPT trên 130 đơn vị 18 ca, GPT âm tính nhưng BSP đều trên 5% 2 ca. Kết quả sau khi uống 30-90 thang, kết quả rõ 16 ca, GPT hồi phục bình thường, trong đó HBsAg chuyển âm tính 3 ca có kết quả 4 ca. *(Báo Trung Y Bắc Kinh, số tháng 3-1984).* Cũng bài thuốc này gia giảm trị 80 ca. Kết quả sau khi uống 20-30 thang khỏi (chức năng gan bình thường, hết triệu chứng lâm sàng) 78 ca, tốt 2 ca. *(Báo Trung Y Hà Bắc, số tháng 1-19890.*

7. Thoát vị bẹn: Bài thuốc gia giảm điều trị 16 ca đều thoát vị 1 bên và ấn lên được. Kết quả khỏi 9 ca, tốt 5 ca, có kết quả 2 ca. Thời gian uống thuốc ít nhất 17 ngày, dài nhất 60 ngày. Theo dõi 2 năm, những người khỏi bệnh không tái phát. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 6-1985).*

8. Lồng ruột trẻ em tái phát nhiều lần: Bài thuốc gia giảm điều trị 10 ca. Kết quả sau khi uống 5-6 thang thuốc, toàn bộ bệnh nhi đều khỏi. Theo dõi bệnh nhân 1-4 năm không tái phát. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 2-1982).*

9. Viêm trực tràng do tia xạ: Bài thuốc gia giảm dùng điều trị 80 ca. Kết quả sau khi uống 5-90 thang thuốc, toàn bộ có hiệu quả. *(Học báo Y Học Viện Vũ Hán).*

10. Tiêu chảy trẻ em vào mùa thu: Bài thuốc gia giảm điều trị 80 ca. Kết quả khỏi 52 ca, tốt 14 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 7 ca. *(Báo Trung Y Dược Phúc Liến, số tháng 5-1983).*

11. Tiểu đục (Nhũ mi niệu): Bài thuốc gia giảm điều trị 30 ca. Kết quả khỏi 19 ca, có kết quả 8 ca, không kết quả 3 ca. *(Học báo Học Viện Trung Y Nam Kinh, số tháng 1-1959).* Bài thuốc gia giảm trị 44 ca. Kết quả khỏi 38 ca, có kết quả 4 ca, không kết quả 2 ca. Thời gian dùng thuốc ngắn nhất 5 ngày, dài nhất 21 ngày. *(Tạp chí Trung Y Sơn Đông, số tháng 5-1984).*

12. Chứng tiểu nhiều lần cơ năng trẻ em: Bài thuốc gia giảm trị 60 ca. Kết quả khỏi 58 ca, không kết quả 2 ca. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang).* Bài thuốc gia giảm trị 112 ca. Kết quả khỏi 78 ca, có kết quả 28 ca, không kết quả 6 ca. *(Tạp chí Trung Y Hồ Nam, số tháng 6-1989).*

13. Chứng tiểu mất tự chủ sau sanh và sau phẫu thuật: Bài thuốc gia giảm trị 57 ca. Kết quả khỏi 45 ca, có kết quả 12 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 6-1988).*

14. Chứng bí tiểu tiện sau sanh: Bài thuốc gia giảm trị 24 ca. Kết quả sau khi uống thuốc 1-3 thang, toàn bộ khỏi. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 10-1983).* Bài thuốc gia giảm trị 3 ca. Kết quả toàn bộ khỏi sau khi uống thuốc 2-3 thang. *(Báo Trung Y Giang Tô, số tháng 8-1965).*

15. Chứng đau thắt thận: Bài thuốc gia giảm trị 72 ca trong đó sỏi thận 44 ca, sỏi niệu quản phần trên 12 ca, phần giữa 8 ca, phần dưới 8 ca. Kết quả sau khi uống 1-5 thang, toàn bộ hết đau. Kết quả chụp lại X quang 18 ca sỏi được đẩy xuống 6 ca hết sỏi. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 6-1988).*

16. Chứng bạch cầu giảm: Bài thuốc gia giảm trị 75 ca. Kết quả tốt 63 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 5 ca. *(Tạp chí Trung Y Vân Nam, số tháng 3-1989).*

17. Động kinh: Bài thuốc gia giảm trị 54 ca. Kết quả tốt 46 ca, có kết quả 6 ca, không kết quả 2 ca, trong đó uống thuốc ít nhất là 6 ngày, dài nhất là 112 ngày.

Trong số 46 ca kết quả tốt, theo dõi 2 năm không lên cơn 35 ca, trên 2 năm 11 ca. *(Học Báo Trung Y Học Viện Quí Dương, số tháng 1-1984).*

18. Chứng ù tai: Bài thuốc gia giảm trị 30 ca. Kết quả khỏi 23ca, tốt 2 ca, có kết quả 3 ca, không kết quả 2 ca. *(Báo Trung Y Dược Tỉnh Quảng Tây, số tháng 2-1989).*

19. Chứng mất ngủ (Thất Miên): Bài thuốc gia giảm trị 43 ca. Kết quả toàn bộ tốt. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 7-1983).*

20. Chứng nấc cụt: Bài thuốc gia giảm trị 30 ca. Kết quả khỏi 26 ca, có kết quả 2 ca, không kết quả 2 ca. Ngày điều trị ngắn nhất 6 ngày, dài nhất 18 ngày. *(Báo Trung Y Hà Bắc, số tháng 6-1986).*

21. Chứng uất: Bài thuốc gia giảm điều trị 50 ca. Kết quả khỏi 28 ca, tốt 17 ca, có kết quả 5 ca. *(Báo Trung Y Bắc Kinh, số tháng 6-1987).*

22. Chứng di tinh sau khi kết hôn: Bài thuốc gia giảm trị 9 ca, Kết quả uống từ 7/28 thang toàn bộ khỏi. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 10-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài này chủ yếu dùng trị chứng tỳ vị khí hư, trung khí hạ hãm. Trong bài các vị hoàng kỳ, nhân sâm, bạch truật, chích thảo bổ khí kiện tỳ, hợp sài hồ, thăng ma thăng danh dương là đặc điểm của phối ngũ. Trên lâm sàng thường dùng khi bệnh nhân có các triệu chứng mệt mỏi, hụt hơi, chân tay yếu, các chứng sa tạng phủ như sa ruột, sa tử cung, sa trực tràng, lưỡi sắc hồng nhạt, mạch hư vô lực.

Trường hợp lâm sàng có triệu chứng khí hư huyễn vựng, buồn nôn, nôn gia thiên ma, bán hạ; mồ hôi nhiều gia mẫu lệ nung, đau đầu nhiều gia mạn kinh tử, xuyên khung, khí hư tiết tả gia hoài sơn, thạch lựu bì....

Những bài thuốc cùng tên

Bổ trung ích khí thang *(Truyền thanh chú sinh hóa thiên).* Nhân sâm, đương quy, bạch thược, xuyên khung, bạch truật, la bạc tử, mộc hương, phục linh có tác dụng bổ khí dưỡng huyết lý khí tiêu đạo; chủ trị chứng sản hậu trung khí bất túc, bụng trên đầy tức, ăn xong đầy bụng tiêu hóa rối loạn.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc có tác dụng tăng khả năng thực bào của hệ thống tế bào võng trong cơ thể, thúc tiến hệ miễn dịch không đặc hiệu, ngăn chặn sự phát triển của trạng thái thiếu máu, tăng cường thể lực; có tác dụng ức chế sự gia tăng của nhu động tiểu tràng và ngược lại.

THĂNG HÃM THANG

(Cận đại - Y học Trung trung tham tây lục)

*** Thành phần và cách dùng:**

Sinh hoàng kỳ 18g, tri mẫu 9g, sài hồ 5g, cát cánh 8g, thăng ma 3g. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ ích phế khí, cử hãm thăng đề. Chủ trị chứng trong ngực đại khí hạ hãm, khó thở hụt hơi, hoặc đầy tức chính xung, hoặc mạch trầm trì vi nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị bệnh mạch vành, đau ngực, sa dạ dày, lại có thể dùng trị bệnh tiểu đường, huyết áp thấp, chứng xoắn dạ dày, sa tử cung, háo suyễn, xẹp phổi, táo bón, chảy máu cam thời kỳ có kinh, sa trực tràng, tự hãn, đạo hãn, cảm mạo lâu ngày không khỏi, tiêu chảy, tiểu nhiều lần....

1. Chứng đau ngực lâu ngày: Bài thuốc gia giảm dùng trị 98 ca gồm bệnh mạch vành 37 ca, viêm phế quản mạn tính, phế khí thũng 24 ca, viêm màng phổi 11 ca, đau thần kinh liên sườn 11 ca, thấp tim 9 ca, tràn khí màng phổi 6 ca. Kết quả khỏi 47 ca, tốt 26 ca, có kết quả 22 ca, không kết quả 3 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 6 ngày, dài nhất 20 ngày, phần lớn uống thuốc trong vòng 6-9 ngày là có hiệu quả. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 2-1989).*

2. Bệnh mạch vành: Bài thuốc gia giảm trị 25 ca. Kết quả tốt 17 ca, có kết quả 6 ca, không kết quả 2 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 20 ngày, dài nhất 200 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 2-1987).*

3. Sa tử cung: Bài thuốc gia giảm trị 40 ca, trong đó độ I 10 ca, độ II 25 ca, độ III 5 ca. Kết quả khỏi 32 ca, chuyển biến tốt 8 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 12 ngày, dài nhất 90 ngày. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 4-1985).*

4. Sa bao tử: Bài thuốc gia giảm dùng trị 32 ca, trong đó nặng 12 ca, trung bình 20 ca. Kết quả khỏi 8 ca, tốt 22 ca, có kết quả 2 ca. Tất cả bệnh nhân đều được chụp X quang trước và sau điều trị. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 1-1986).*

5. Bệnh tiểu đường: Bài thuốc gia giảm điều trị 40 ca. Kết quả tốt 11 ca, có kết quả 27 ca, không kết quả 2 ca. Thời gian uống thuốc bình quân 50 ngày. *(Tạp chí Trung Y Sơn Đông, số tháng 1-1981).*

6. Chứng xoắn dạ dày: Dùng bài thuốc gia giảm trị 32 ca (đều được qua kiểm tra chụp X quang xác định chẩn đoán). Kết quả tất cả đều khỏi. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 23 ngày và dài nhất là 29 ngày. Bệnh nhân được theo dõi 2 năm không tái phát. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 6-1985).*

7. Chứng trẻ em tiểu nhiều lần: Bài thuốc gia giảm trị 5 ca (từ 4 đến 9 tuổi). Kết quả đều khỏi. Thời gian điều trị bình quân 10 ngày, theo dõi 6 tháng không tái phát. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 12-1990).*

8. Hen suyễn: Bài thuốc gia giảm điều trị 1 ca bệnh nhân mắc bệnh đã 12 năm, 2 năm gần đây khó thở bụng to đầy trướng, lúc thở phải rướn vai.. Kiểm tra X quang 2 phế trường độ sáng tăng, cơ hoành ngang sườn 11, kết quả siêu âm bờ trên gan ngang sườn thứ 7, bờ dưới gan dưới bờ sườn 4cm. Kết quả sau khi uống 7 thang, bớt khó thở, bụng đầy giảm, uống thêm 60 thang hết suyễn, bụng hết đầy; siêu âm bờ trên gan ngang bờ sườn thứ 6, bờ dưới gan dưới bờ sườn 1,5cm. Theo dõi 4 tháng không tái phát cơn hen. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 9-1985).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài này chủ yếu dùng trị chứng khi hạ hãm nặng ở ngực. Trong bài, hoàng kỳ, thăng ma, sài hồ ích khí thăng dương hợp với tri mẫu ngọt hàn thanh nhuận, thăng bổ mà không ôn. Trên lâm sàng dùng trị khó thở mạch trầm trì vi nhược. Trường hợp trên lâm sàng khí hư nặng, dùng hoàng kỳ, gia nhân sâm; có ứ huyết gia đơn sâm, đương qui; âm hư gia mạch đông, sinh địa.

THĂNG MA HOÀNG KỲ THANG

(Cận đại - Y học Trung trung tham tây lục)

*** Thành phần và cách dùng:**

Sinh hoàng kỳ 15g, đương quy 12g, thăng ma 6g, sài hồ 6g. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí hòa huyết cử hãm. Chủ trị phụ nhân chuyển bào, tiểu tiện nhỏ giọt không thông.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị phụ nữ mang thai, bụng dưới tức, tiểu khó và sau khi sanh không tiểu được.

- *Chứng sau sanh không tiểu được:* Bài thuốc gia vị trị 24 ca. Bụng dưới trụy đầy gia đảng sâm hoặc hồng sâm; niệu đạo có cảm giác nóng bỏng gia lục nhất tán, biển súc, cù mạch; bụng trên khó chịu gia trần bì, chỉ thực; đại tiện táo bón, gia nhục thung dung, sinh thủ ô; có nhiệt chứng rõ gia tri mẫu, hoàng bá, bồ công anh. Uống ít nhất nửa thang, nhiều nhất 4 thang sẽ có công hiệu. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 6-1984).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Chủ yếu dùng trị chứng khí hư hạ hãm, chứng bệnh rối loạn khí hóa. Trong bài, hoàng kỳ bổ khí, đương quy hòa huyết, thăng ma, sài hồ thăng dương cử hãm. Chủ yếu dùng trị chứng mang thai hoặc sau sanh tiểu tiện khó. Trường hợp khí hư nặng tăng lượng hoàng kỳ, tiểu tiện khó gia mộc thông, niệu đạo nóng rát gia ngưu tất, cam thảo, hoạt mạch.

HOÀNG KỲ CAM THẢO THANG

(Thanh - Y lâm cải thác)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 120g, cam thảo 30g. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí thăng dương, cố bản bổ nguyên. Trị chứng đi tiểu ngọc hành đau như dao cắt, thường gặp ở người cao tuổi bất luận thời gian mắc bệnh bao lâu.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng điều trị các chứng bệnh viêm tuyến tiền liệt, viêm thận, suy chức năng thận.

1. Viêm tuyến tiền liệt: Bài này gia xích tiểu đậu, đan sâm trị 12 ca. Thời gian mắc bệnh dài nhất là 3 năm, ngắn nhất là 1 năm. Mỗi ngày uống 1 thang, 3 tuần là 1 liệu trình. Kết quả toàn bộ bệnh nhân đều trị khỏi. Bệnh nhân mắc bệnh lâu nhất được điều trị trong 3 liệu trình. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 6-1985).* Bài này gia khổ sâm, đan sâm, dùng trị 30 ca. Một liệu trình là 2 tuần có dùng thêm thuốc xông ngâm rửa bên ngoài. Kết quả khỏi 23 ca, tốt 4 ca, có kết quả 2 ca, không kết quả 1 ca. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 12-1990).*

2. Viêm thận: Bài thuốc gia giảm trị viêm thận mạn tính. Có đạm niệu gia lộc hàm thảo, vùng thắt lưng đau nhức gia thỏ ti tử, ngưu tất; huyết niệu gia tiểu kế thảo, sao bồ hoàng, sinh địa hoàng, u rê máu tăng gia đại hoàng.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng đau ngọc hành lúc tiểu tiện. Trong bài, hoàng kỳ bổ khí ích nguyên, cam thảo thông lâm chỉ thống, là đặc điểm phối ngũ của thuốc.

Trường hợp khí thực không dùng và thận trọng lúc dùng nếu có chứng đầy vùng thượng vị.

Bài Hoàng kỳ lục nhất thang (Đan Khê tâm pháp) có thành phần như bài này nhưng liều lượng có khác (Hoàng kỳ 6 lạng, cam thảo 1 lạng), chủ trị chứng đạo hãn.

ĐIỀU TRUNG ÍCH KHÍ THANG

(Kim - Lam thất bí tàng)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 3g, nhân sâm 1,5g, chích cam thảo 1,5g, thương truật 1,5g, sài hồ 0,9g, thăng ma 0,9g, quất bì 0,6g, hoàng bá 0,6g. Tất cả thuốc tán bột rồi sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí thăng dương, điều trung tả hỏa. Chủ trị nguyên khí bất túc, chân tay mỏi, người nặng nề, hoặc đại tiện lỏng, nhiệt xông lên đầu mắt, mắt hoa tai ù, đầu đau, chán ăn, mạch huyền, hồng hoãn vô lực.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng tiết lả, tai ù, huyễn vững, chứng đau nửa đầu.

1. Tiết tả: Trị chứng tiết tả do khí hư thấp trệ gia phục linh, biển đậu, mộc hương.

2. Huyễn vựng: Trị váng đầu, hoa mắt gia mạn kinh tử, cúc hoa.

3. Đau nửa đầu: Bài thuốc gia giảm trị 36 ca trong đó 6 nam, 30 nữ; tuổi dưới 20 trên 70%. Dùng thuốc 15-30 thang triệu chứng mất. Theo dõi 2-3 năm không tái phát 22 ca, 1-2 năm không tái phát 6 ca, 6 tháng không tái phát 8 ca. *(Báo Trung Y Dược Cát Lâm, số tháng 5-1986).*

4. Chứng bạch cầu giảm: Bài thuốc gia đơn sâm, đương quy, bào giáp trị 45 ca. Kết quả khỏi 34 ca, tốt 8 ca, không kết quả 3 ca. Trong số khỏi 2 ca đã từng tái phát. Từ khi dùng bài thuốc này không còn tái phát. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc số tháng 6 -1986).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc này chủ yếu dùng trị chứng khí hư âm hỏa. Trong bài, nhân sâm, hoàng kỳ, thăng ma, sài hồ ích khí thăng dương; thương truật, quất bì điều trung. Hoàng bá thanh nhiệt; cùng sử dụng ích khí và lý khí, thăng dương và tả hỏa kết

hợp là đặc điểm phối ngũ của bài thuốc. Trên lâm sàng nếu là trường hợp thiên đầu thống gia xuyên khung, tế tân can khí uất kết gia hương phụ.

Những bài thuốc cùng tên

1. Điều trung ích khí thang (Sách *Vệ sinh bảo giám)* gồm hoàng kỳ, nhân sâm, chích thảo, đương qui, bạch truật, bạc thược, thăng ma, sài hồ, quất bì, ngũ vị tử, có tác dụng ích khí kiện tỳ thăng dương; chủ trị chứng nguyên khí bất túc, mạch huyền hoặc hồng hoãn vô lực, người nặng nề, chân tay mỏi, các khớp đau, ngực đầy khó thở, cảm giác tắc họng cơ hoành, tâm phiền bất an, phúc trung hư thống, chán ăn.

2. Điều trung ích khí thang *(Tỳ vị luận)* tức bài này bỏ hoàng bá gia mộc hương, tác dụng và chủ trị như bài này.

3. Điều trung ích khí thang *(Thọ thế bảo nguyên)* gồm các vị thuốc của bài này gia đương quy, xuyên khung, mạn kinh tử, tế tân; có tác dụng ich khí thăng dương khu phong; chủ trị chứng khí hư, thanh dương không thăng sinh đau đầu.

THĂNG DƯƠNG ÍCH VỊ THANG

(Kim - Nội ngoại thương biện hoặc luận)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 30g, bán hạ, nhân sâm, bạch thược, phục linh, trạch tả, bạch truật đều 9g, cam thảo 5g, độc hoạt, phòng phong, khương hoạt, quất bì, sài hồ đều 6g, hoàng liên 3g. Sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Kiện tỳ trừ thấp, thăng phát dương khí. Chủ trị chứng tỳ vị khí hư, lạnh nhạt thích nằm, chân tay nhức mỏi, miệng đắng lưỡi khô, ăn uống không thấy ngon, đại tiện thất thường, tiểu tiện nhiều lần.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng tiêu chảy, chủ ngủ từng cơn, huyết áp thấp, viêm túi mật mạn tính, chứng bạch đới, mề đay, viêm đa rễ thần kinh, viêm teo niêm mạc dạ dày mạn tính, chứng xoắn dạ dày, chứng huyễn vựng.

1. Chứng ngủ từng cơn: Dùng bài thuốc trị 2 ca: Một ca bệnh 2 tháng uống 7 thang khỏi. Một ca bệnh 1 năm uống 5 thang khỏi. Đều được theo dõi không tái phát. *(Học báo Học Viện Trung Y Hồ Nam, số tháng 4-1987).*

2. Chứng bạch đới: Bài thuốc gia giảm trị 74 ca gồm viên cổ tử cung 16 ca, viêm hố chậu 21 ca, viêm âm đạo 26 ca, không rõ nguyên nhân 11 ca. Kết quả khỏi 39 ca, tốt 26 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 2 ca. Thời gian điều trị bình quân cho 1 bệnh nhân 13 ngày. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 8 -1987).*

3. Viêm túi mật mạn tính: Bài thuốc gia giảm trị 132 ca. Kết quả khỏi 36 ca, có kết quả 67 ca, không kết quả 29 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 8 ngày, dài nhất 38 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 2-1988).*

4. Chứng mề đay: Dùng bài thuốc trị 34 ca. Kết quả khỏi 28 ca, có kết quả 4 ca, không kết quả 2 ca. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 3-1982).*

5. Huyết áp thấp: Dùng bài thuốc trị 1 ca huyết áp thấp đã 3 năm. Kết quả sau khi uống 8 thang, chứng huyễn vựng giảm rõ, huyết áp hồi phục bình thường, uống thêm 5 thang hết các triệu chứng. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 7-1987).*

6. Bệnh tiêu chảy mạn tính: Bài thuốc gia vị trị 1 bệnh nhân mắc bệnh hơn 1 năm. Kết quả uống 7 thang, số lần đại tiện giảm rõ, uống thêm 7 thang thì khỏi bệnh. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 9-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ vị hư nhược, trung dương bất túc kiêm thấp trọc ngưng trệ. Trong bài có bài thuốc Lục quân tử kiện tỳ hóa thấp là chính, dùng thêm khương hoạt, độc hoạt tân tán trừ thấp, hoàng liên, thược dược khổ hàn nhu nhuận. Thuốc kiện tỳ để phò chính, hóa thấp để khu tà, bổ tả kiêm dùng là đặc điểm của bài thuốc. Trên lâm sàng dùng cho những bệnh nhân có triệu chứng suy nhược, ăn ngủ kém, chân tay nhức mỏi. Trường hợp khí hư nặng, bỏ hoàng liên, gia lượng hoàng kỳ, nhân sâm, bạch truật; tỳ dương hư gia can khương, nhục khấu; âm hỏa nặng sử dụng hoàng liên, gia hoàng cầm, chi tử.

ÍCH KHÍ THÔNG MINH THANG

(Kim - Đông Viên thí hiệu phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 20g, nhân sâm, cát căn, bạch thược, mạn kinh tử, hoàng bá đều 9g, chích thảo 5g, thăng ma 6g. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí thăng thanh, thông nhĩ minh mục. Chủ trị chứng trung khí bất túc, thanh dương bất thăng, phong nhiệt thượng nhiễu sinh đau đầu hoa mắt, hoặc tai ù tai điếc, hoặc mắt sinh màng mây, mắt mờ, rêu mỏng chất lưỡi nhợt, mạch nhu tế.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng trị chứng xơ mỡ động mạch não, bệnh cột sống, huyết áp cao, huyết áp thấp, nhiễm độc streptomycin, chứng rối loạn tiền đình, ù tai, viêm giác mạc vi rút, sắc manh, teo nhị thần kinh, viêm võng mạc thị....

1. Viêm tai giữa: Bài thuốc gia giảm trị 152 ca. Kết quả tốt 113 ca, có kết quả 33 ca, không kết quả 6 ca. Thời gian uống thuốc bình quân 28 ngày. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 3-1990).*

2. Bệnh cột sống: Bài thuốc gia giảm trị 40 ca. Kết quả tốt 33 ca, có kết quả 5 ca, không kết quả 2 ca. *(Báo Trung Y Dược Hắc Long Giang, số tháng 5-1990).*

3. Xơ cứng động mạch não: Bài thuốc gia giảm trị 20 ca. Kết quả sau khi uống thuốc, các triệu chứng lâm sàng giảm mức độ khác nhau với tỷ lệ 90%. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 5 ngày, dài nhất 30 ngày. *(Báo Nghiên cứu của Trung Y Dược, số tháng 1-1989).*

4. Nhiễm độc Streptomycin: Bài thuốc gia giảm trị 19 ca. Kết quả tốt (chưa ngưng dùng thuốc, hết triệu chứng lâm sàng) 10 ca, có kết quả (triệu chứng lâm sàng giảm, có thể tiếp tục dùng streptomycin) 6 ca, không kết quả (thính lực chưa cải thiện) 3 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 28 ngày. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số thang 3-1990).*

5. Hội chứn tiền đình: Dùng bài thuốc điều trị 1 ca váng đầu, ù tai, chóng mặt, nôn, buồn nôn 4 ngày. Kết quả uống thuốc 6 thang bệnh khỏi. *(Báo Trung Y Dược Phúc Kiến, số tháng 4-1990).*

6. Sắc manh (mắt không phân biệt được màu sắc): Dùng bài thuốc gia giảm điều trị 1 ca. Kết quả sau khi uống hết 90 thang, mắt nhìn bình thường. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 7-1986).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng trung khí bất túc, thanh dương không tăng, miêu khiếu thiếu sự dinh dưỡng. Trong bài, nhân sâm, hoàng kỳ cam ôn ích khí, hợp với thăng ma, cát căn, hoàng bá thăng dương thanh giáng; trong bổ có tán, trong thạnh có giáng; đó là đặc điểm phối ngũ của bài thuốc. Trên lâm sàng nếu thấy chứng phong nhiệt nặng gia tang diệp, cúc hoa; nhiệt thịnh gia hoàng cầm, sơn chi, thấp nặng gia thương truật, bạch truật, phục linh; nhìn vật không rõ gia thạch xương bồ.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Chứng minh bài thuốc có tác dụng tăng lượng máu ở não, hưng phấn chứng năng vỏ não.

KỲ PHỤ THANG

(Tống - Ngụy thị gia tàng phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ (mật chích), phụ tử. Lượng bằng nhau, mỗi lần lấy 12g gia 5 lát gừng tươi sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ôn dương ích khí cố biểu. Chủ trị chứng khí hư dương nhược, mồ hôi trộm ra nhiều, chân tay mỏi mệt.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng huyết áp thấp, tim đập chậm, loét miệng...

Trị chứng loét miệng lâu khỏi: Dùng bài thuốc gia vị trị 24 ca. Kết quả sau khi uống 10-30 thang đều khỏi (hết triệu chứng). Theo dõi 1 năm không tái phát 16 ca, có kết quả (triệu chứng giảm, vết loét nhỏ lại hoặc lành một phần) 8 ca. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 11-1983).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Chủ yếu dùng trị chứng khí dương lưỡng hư, toàn thân mồ hôi ra nhiều. Trong bài, phụ tử ôn thận ích dương, hoàng kỳ ích khí cố biểu. Trên lâm sàng trị chứng mồ hôi nhiều (do khí hương hư, chân tay mát, sợ lạnh, mệt mỏi, có kết quả tốt. Trường hợp mệt nhiều gia nhân sâm, bạch truật, đại táo chân tay lạnh nhiều gia quế chi, mồ hôi nhiều gia phù tiểu mạch, long cốt, mẫu lệ nung; chứng sau sanh ra mồ hôi, sợ lạnh gia đương quy, địa hoàng. Lưu ý không dùng đối với chứng âm hư sốt chiều, đạo hãn.

Truật phụ thang (Y tông kim giám), tức bài này bỏ hoàng kỳ gia bạch truật; có tác dụng ôn lý trừ thấp, chủ trị chứng hàn thấp lý thống.

Truật phụ thang (Cận hiệu phương) cũng gọi là Cận hiệu truật phụ thang tức bài này bỏ hoàng kỳ gia bạch truật, cam thảo, sinh khương, có tác dụng ôn dương kiện tỳ khư trừ hàn thấp, chủ trị chứng hàn thấp lý thống.

CỬ NGUYÊN TIỄN

(Kim - Cảnh Nhạc toàn thư)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, bạch truật đều 9g, hoàng kỳ 15g, chích thảo, thăng ma đều 6g. Sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí bổ tỳ, thăng hãm nhiếp huyết. Chủ trị chứng khí hư hạ hãm, chứng băng lậu ra huyết, lưỡi bệu chất nhợt, mạch vi nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng sa nội tạng, chứng dọa sẩy và sẩy thai liên tiếp; và cũng dùng trị chứng ban xuất huyết dị ứng, nước ối ra không dứt, tiểu tiện không tự chủ, sau sanh tiểu không bình thường, thai phụ tiểu khó.

1. Sẩy thai: Dùng bài thuốc gia giảm trị dọa sẩy và sẩy thai liên tiếp 44 ca. Kết quả khỏi 42 ca, tốt 2 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 5-1985).*

2. Sa tạng phủ: Dùng bài thuốc gia giảm trị 7 ca sa tạng phủ gồm có sa dạ dày, gan, thận và tử cung. Kết quả toàn bộ khỏi (kiểm tra X quang và siêu âm xác nhận). Thời gian uống thuốc ngắn nhất 27 ngày, dài nhất 46 ngày. *(Báo Trung Y Dược Hắc Long Giang, số tháng 4-1989).*

3. Chứng băng lậu: Bài thuốc gia giảm điều trị 2 ca. Kết quả sau khhi uống 2 thang, máu ra ở âm đạo giảm, uống tiếp 2 thang hết chảy máu; sau 1 tháng kinh nguyệt hồi phục bình thường. Theo dõi 2-3 năm không tái phát. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 11-1986).*

4. Sau sanh tiểu tiện khó: Bài thuốc gia giảm trị 1 sản phụ sau sanh tiểu khó đã 5 ngày. Kết quả sau khi uống hết 2 thang có cảm giác buồn đi tiểu, uống thêm 1 thang đi tiểu được. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 3-1984).*

5. Ban xuất huyết do dị ứng: Dùng bài thuốc gia giảm điều trị 1 bệnh nhân mắc bệnh đã 1 năm, ban xuất huyết dày đặc nhất là 2 chân, kèm theo hồi hộp khó

thở. Kết quả sau khi uống hết 8 tháng, màu sắc tử ban nhạt hơn, hồi hộp khó thở giảm nhẹ, uống tiếp 4 thang các triệu chứng đều hết; thheo dõi 10 năm, không thấy bệnh tái phát. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 2-1987).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị các chứng trung dương bất túc, khí hư hạ hãn, băng huyết, thoát huyết. Trong bài sâm, kỳ, truật, thảo bố khí kiện kỳ để nhiếp huyết, hợp với thăng ma đề cử hãm. Đặc điểm phối ngũ của bài thuốc là dùng thuốc bổ khí kết hợp với thuốc thăng dương. Trên lâm sàng thường dùng trị các chứng băng lậu ra nhiều máu, mệt mỏi, lưỡi bệu chát nhạt, mạch vi nhược. Trường hợp khí hư nặng, dùng nhân sâm, hoàng kỳ, cam thảo, chảy máu nhiều gia tiên hạc thảo, trắc bá diệp, tam thất; vong dương quyết ngịch gia phụ tử, can khương.

NGỌC BÌNH PHONG TÁN

(Nguyên - Đan Khê tâm pháp)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 180g, phòng phong 60g, bạch truật 60g. Thuốc tán thành bột, mỗi lần 10g gia 3 lát gừng sắc uống; có tể làm thuốc tán, mỗi lần uống 6-9g với nước sôi nguội; có thể làm thuốc nước, mỗi lần uống 10ml, ngày uống 3 lần; hoặc cũng có thể làm thuốc thang sắc uống theo liều lượng thường dùng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí cổ biểu chỉ hãn. Chủ trị chứng biểu hư, vệ khí bất cố, dễ cảm phong tà, ố phong tự hãn, sắc mặt tái nhợt, lưỡi nhợt rêu trắng, mạch phù mềm hư.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị các chứng cơ thể suy nhược dễ cảm bệnh, tự hãn, đạo hãn, viêm mũi dị ứng, mề đay; có báo cáo điều trị các chứng bệnh như luput ban đỏ, viêm thận mạn, liệt mặt ho, ban xuất huyết, đới hạ.

1. Chứng viêm đường hô hấp nhiều lần: Bài thuốc gia giảm điều trị 85 ca trẻ em viêm đường hô hấp trên tái phát nhiều lần. Kết quả tốt 59 ca, có kết quả 22 ca, không kết quả 4 ca. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 1-1982).* Một báo cáo khác dùng bài này gia giảm cho trẻ uống phòng viêm ddowngf hô hấp trên 15 ca. Kết quả sau 1 tuần uống có kết quả 2 ca, sau 2 tuần có kết quả 5 ta, sau 3 tuần có kết quả 6 ca, sau 1 tháng có kết quả 2 ca. *(Báo Trung cấp Y, số tháng 9-1987).*

2. Trẻ em tự ra mồ hôi: Dùng bài này gia giảm trị 42 ca. Kết quả khỏi 39 ca, có kết quả 3 ca. *(Báo Y Cơ sở 1983:2).* Một báo cáo khác dùng bài thuốc gia giảm trị 56 ca. Kết quả khỏi 33 ca, tốt 20 ca, không kết quả 3 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 4 ngày, dài nhất 56 ngày. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 5-1983).*

3. Chứng ra mồ hôi trộm: Bài thuốc gia giảm trị 44 ca. Kết quả khỏi 41 ca, có kết quả 3 ca. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 11-1964).*

4. Viêm mũi dị ứng: Bài thuốc gia giảm trị 255 ca. Kết quả khỏi 106 ca, tốt 72 ca, có kết quả 38 ca, không kết quả 39 ca. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 1-1987).* Một báo cáo khác dùng bài thuốc gia giảm trị 68 ca. Kết quả tốt 23 ca, có kết quả 37 ca, không kết quả 8 ca. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết Hợp, số tháng 3-1990).*

5. Mề đay mạn tính: Bài thuốc gia giảm trị 26 ca. Kết quả khỏi 8 ca, có kết quả 14ca, không kết quả 4 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 7 ngày, dài nhất 21 ngày. *(Học Báo Trung Y Học Viện Bắc Kinh, số tháng 6-1986:6).* Bài thuốc này gia giảm trị 2 ca kết quả đều khỏi. *(Học Báo Trung Y Học Viện Hà Nam, số tháng 3-1978).*

6. Luput ban đỏ: Bài thuốc gia giảm trị 100 ca. Kết quả khỏi 95 ca, tốt 4 ca, không khỏi 1 ca *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 6-1989).*

7. Chứng ho: Bài thuốc gia giảm trị 200 ca, trong đó ho viêm đường hô hấp 56 ca, viêm phế quản cấp 38 ca, viêm phế quản mạn 106 ca. Kết quả tốt 181 ca, có kết quả 14 ca, không kết quả 5 ca. Ngày uống thuốc ngắn nhất 2 ngày, dài nhất 11 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 3-1987).*

8. Liệt mặt: Bài thuốc gia giảm trị 49 ca. Kết quả khỏi 32 ca, tốt 15 ca, có kết quả 2 ca.

9. *Trẻ em sốt mùa hè:* Bài thuốc gia giảm trị 25 ca. Kết quả toàn bộ khỏi. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 7 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 4-1987).*

10. Viêm thận thể ẩn: Bài thuốc gia giảm trị 36 ca. Kết quả tế bào hồng cầu trong nước tiểu âm tính đạt tỷ lệ 90,9%, protein niệu chuyển âm tính 83,3%. Có 18 ca theo dõi từ tháng 8 đến 3 năm thì có 2 ca chỉ 2-3 lần có ít hồng cầu trong nước tiểu, số còn lại đều hồi phục tốt. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết Hợp, số tháng 6-1983).*

11. Ban xuất huyết: Bài thuốc gia giảm dùng trị 7 ca, trong đó, số bệnh nhân xuất huyết do tiểu cầu giảm 4 ca, do dị ứng 3 ca. Toàn bộ đều có kết quả. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 6-1986).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Trường hợp khí hư nặng gia nhân sâm, cam thảo; âm hư gia mạch đông, nam sa sâm, bắc sa sâm; mồ hôi nhiều gia phù tiểu mạch, mẫu lệ nung, rễ lúa nếp.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc có tác dụng nâng cao tính miễn dịch của cơ thể, ức chế phản ứng quá mẫn, cải thiện chức năng của thận, có thể khiến cho CH_{50}, C_3, PFC, IgG, IgA, IgM ở mức thấp hay cao hơn ở bệnh nhân viêm cầu thận cấp có thể hồi phục bình thường.

SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN

(Tống - Thái Bình Huệ Dân hòa tễ cục phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Liên tử nhục, ý dĩ nhân, sa nhân, cát cánh đều 500g, biển đậu 750g, phục linh, nhân sâm, cam thảo, bạch truật, sơn dược đều 1.000g. Tất cả tán bột mịn làm thuốc tán,mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 2-3 lần với nước táo sắc. Có thể làm thuốc hoàn uống liều lượng như trên, hoặc làm thuốc thang.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ, hòa vị thấm thấp. Chủ trị chứng tỳ vị khí hư kiêm thấp, sắc mặt vàng bủng, chân tay yếu nhược, hình thể hư hao, ăn không tiêu, nôn, ngực bụng đầy tức, rêu trắng nhầy, mạch nhu hoãn.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng viêm ruột mạn tính, viêm dạ dày nông, viêm thận mạn tính, rối loạn tiêu hóa; còn dùng điều trị chứng tiểu đường, xơ gan, tâm phế mạn, viêm phế quản mạn tính, chứng đới hạ, thủy thũng, dương nuy, chứng phản ứng độc của xạ trị trong điều trị bệnh ung thư...

1. Tiêu chảy mạn tính: Dùng bài thuốc gia giảm trị 56 ca. Kết quả khỏi 29 ca, tốt 15 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 5 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 20 ngày, dài nhất 65 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 3-1986).*

2. Viêm dạ dày thể nông: Dùng bài thuốc gia giảm trị 32 ca. Kết quả khỏi 15 ca, tốt 9 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 1 ca. *(Báo Hàm Thụ Trung Y Thiểm Tây, số tháng 2-1990).*

3. Viêm thận thể ẩn: Dùng bài thuốc gia giảm trị 15 ca. Kết quả tốt 8 ca, có kết quả 4 ca, không kết quả 3 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 15 ngày, dài nhất 156 ngày. *(Tạp chí Trung Tây Y kết hợp,số tháng 7-1987).*

4. Xơ gan: Dùng bài thuốc gia giảm trị 30 ca. Kết quả 9 ca, có kết quả 14 ca, không kết quả 3 ca, xấu hơn 4 ca. *(Báo Trung Y Hà Nam số tháng 2-1990).*

5. Tiểu đường: Dùng bài thuốc gia giảm trị 15 ca. Kết quả tốt 6 ca, có kết quả 8 ca, không kết quả 1 ca. *(Học Báo Trung Y Học Viện An Huy, số tháng 4-1988).*

6. Phản ứng độc của xạ trị, hóa trị đối với ung thư: Bài thuốc gia giảm điều trị 96 ca ung thư (bao gồm ung thư cổ tử cung, ung thư phổi, dạ dày, trực tràng, buồng trứng, ung thư tế bào tinh, thực quản, họng, amidan, ung thư xoang mũi, ung thư tủy đa phát, ung thư bàng quang). Kết quả tốt 33 ca, có kết quả 46 ca, không kết quả 17 ca. *(Báo Y Dược Quí Châu, số tháng 3-1985).*

7. Tiểu đục: Bài thuốc gia giảm điều trị 2 ca đều có kết quả tốt. Trong đó 1 ca bệnh đã 4 năm, uống 20 thang khỏi; 1 ca bệnh 3 năm kèm theo sạn niệu đạo sau 35 ngày uống thuốc thì khỏi (đã xét nghiệm nước tiểu và chụp X quang) *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 7-1989).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng điều trị chứng tỳ vị hư nhược kiêm thấp. Trong bài có bài Tứ quân tử, biển đậu, sơn dược kiện tỳ ích khí thêm ý dĩ, sa nhân thẩm thấp hóa thấp, tính dược bình không nê không táo, không thiên hàn thiên nhiệt. Trên lâm sàng chủ yếu dùng điều trị các chứng tỳ hư kiêm thấp, chân tay yếu, ăn không tiêu, rêu lưỡi trắng nhầy, mạch nhu hoãn. Trường hợp tỳ thận dương hư gia thục phụ nhiều, bổ cốt chỉ; nếu hư hàn hoạt thoái gia xích thạch chỉ, kha tử; thấp nhiệt nặng gia hoàng liên, hoàng bá; không muốn ăn gia thần khúc, cốc nha, mạch nha.

Bài thuốc trong sách *Y Phương Tập Giải* có thêm vị trần bì.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc sắc với liều nhỏ có tác dụng hưng phấn nhu động ruột, ngược lại liều cao có tác dụng ức chế và giảm co thắt nhu động ruột, làm tăng hấp thu nước và ion cơ - lo của ống đại tràng. Trong bài, vị bạch tuật, sơn được có tác dụng bảo vệ gan, phòng được chứng giảm glycogen ở gan.

TƯ SINH HOÀN

(Kim - Lan đài quĩ phạm)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, bạch truật đều 90g, phục linh, sơn được, liên tử nhục, trần bì, mạch nha, thần khúc đều 60g, ý dĩ nhân, khiếm thực, sa nhân, bạch biển đậu, sơn tra đều 45g, cam thảo, cát cánh, hoắc hương đều 30g, bạch đậu khấu 24g, hoàng liên 12g.

Tất cả tán bột luyện mật làm hoàn nặng 3-6g. Mỗi lần uống 2 hoàn với nước cơm, hoặc làm thuốc thang sắc uống với liều thường dùng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Kiện tỳ trợ tiêu hóa, ích khí an thai. Chủ trị chứng nôn thai nghén, hoạt thai, tỳ vị hư nhược kiêm thấp nhiệt, tiêu chảy gầy yếu mệt mỏi.

Thường dùng chữa những chứng bệnh mạn tính hệ tiêu hóa như viêm dạ dày, viêm ruột mạn tính, loét dạ dày hành tá tràng thời kỳ ổn định và chứng bệnh trẻ em biếng ăn, rối loạn tiêu hóa mạn tính.

1. Chứng rối loạn tiêu hóa mạn tính: Bài thuốc gia bội lan trị 50 ca gồm có viêm dạ dày mạn 13ca, viêm đại tràng mạn 7 ca. Viêm dạ dày ruột mạn 8 ca, loét dạ dày 7 ca, loét hành tá tràng 6 ca, loét hỗn hợp 9 ca (đều mạn tính và không có xuất huyết). Thời gian mắc bệnh dưới 1 năm 9 ca, từ 1-10 năm 23 ca, 11-20 năm 17 ca, trên 21 năm 1 ca. Kết quả có kết quả rõ 46 ca, có chuyển biến 3 ca, không kết quả 1 ca. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 4-1987).*

2. Chứng trẻ em chán ăn: Bài thuốc gia giảm trị 80 ca. Kết quả khỏi 57 ca, có kết quả rõ 18 ca, có kết quả 3 ca, không kết quả 2 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 3-1991).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ vị hư nhiệt kiêm thấp nhiệt. Trong bài, nhân sâm, phục linh, bạch truật kiện tỳ, sơn tra, thần khúc, mạch nha tiêu hóa thực tính, hoàng liên thanh nhiệt hóa thấp. Trên lâm sàng chủ yếu dùng trị chứng ăn nhiều hoặc biếng ăn, tiêu chảy ốm yếu, rối loạn tiêu hóa đầu lưỡi đỏ, mạch tế.

Những bài thuốc cùng tên

Bài thuốc này cũng gọi là Tư sinh kiện tỳ hoàn. Những bài thuốc trùng tên có:

1. Tư sinh thang *(Sách Y học Trung trung tham tây lục)* gồm có: sơn dược, huyền sâm, bạch truật, sao ngưu bàng, kê nội kim. Bài thuốc có tác dụng kiện tỳ dưỡng âm thanh nhiệt lợi yết. Chủ trị chứng ho lao chán ăn, người nóng mạch hư sác và huyết hư kinh bế.

2. Tư sinh hoàn *(Sách Tiên tĩnh trai y học quãng tiên ký)* tức bài thuốc này bỏ thần khúc, sa nhân, gia trạch tả có tác dụng và chủ trị như bài này.

3. Tư sinh hoàn *(Sách Y lược lục thư)* tức bài thuốc này bỏ hoàng liên có công dụng và chủ trị như bài này.

4. Tư sinh hoàn *(Sách Cổ phương tuyển chú)* tức bài thuốc này gia hậu phác, trạch tả, có công dụng và chủ trị như bài này.

BÁT TRÂN CAO

(Thanh - Thanh Thái y viện phối phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đảng sâm, phục linh, biển đạu, liên tử nhục đều 60g, bạch truật 30g, ý dĩ nhân, sơn dược, khiếm thực đều 90g, đường trắng 250g. Tất cả tán bột mịn, cho bột gạo trắng trộn đều chưng thành bánh mỗi cái nặng 30g, mỗi lần ăn 1 cái, mỗi ngày ăn 2-3 lần, dùng làm điểm tâm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ. Chủ trị chứng tỳ vị hư nhược ăn uống kém, sắc mặt kém tươi nhuận, gầy còm mệt mỏi, tiêu chảy.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Dùng trị trẻ em rối loạn tiêu hóa mạn tính và chứng suy nhược cơ thể sau khi mắc bệnh nặng. Trong bài, đảng sâm ích khí bổ trung, bạch truật, phục linh, ý dĩ kiện tỳ trừ thấp, khiếm thực. Liên nhục, sơn dược, biển đậu bổ tỳ chỉ tả. Trên lâm sàng dùng trị chứng tỳ hư ăn ít, mệt mỏi, đại tiện lỏng, lưỡi tái rêu trắng, mạch tế nhược.

THẤT VỊ BẠCH TRUẬT TÁN

(Tống - Tiểu nhi dược chứng trực quyết) nguyên tên gọi Bạch truật tán, cũng gọi là Tiền thị Bạch truật tán)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 6g, bạch truật (sao), phục linh, hoắc hương, cát căn đều 15g, mộc hương 6g. Các vị thuốc đều tán thô sắc uống, có thể chế thành thuốc miếng sắc uống, mỗi lần 9g.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Kiện tỳ chỉ tả. Trị trẻ em tỳ vị hư nhược, rối loạn tiêu hóa, chán ăn hay bú, bụng đầy tiêu chảy.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị các chứng tiêu chảy trẻ em, chứng cam tích, rối loạn tiêu hóa kéo dài, cùng các chứng trẻ em tiểu nhiều, đái dầm, chảy nước dĩa, chứng thận hư.

1. Chứng trẻ em tiêu chảy vào mùa thu: Đã dùng thuốc gia vị trị 70 ca, thiên nhiệt gia hoàng cầm, rau sam; thiên hàn gia càn khương; kiêm chứng biểu gia tía tô, tiền hồ; nôn gia sinh khương. Bình quân dùng điều trị trong 10 ngày.Kết quả khỏi 47 ca, có kết quả 16 ca, không kết quả 7 ca. *(Báo Hàm Thụ Trung Y Thiểm Tây, số tháng 3-1990).* Có báo cáo dùng trị 38 ca, trong đó 20 ca dùng thuốc Tây làm lô đối chứng. Kết quả thời gian hạ sốt giữa 2 lô không có khác biệt, ngày cầm tiêu chảy thì lô dùng thuốc Đông y ngắn hơn. *(Báo Quảng Tây Trung Y Dược, số tháng 3-1989).*

2. Viêm ruột trẻ em do nấm: Dùng bài thuốc gia thêm truyền dịch trị 20 ca liệu trình 7-10 ngày. Kết quả trừ 1 ca không kiên trì điều trị, 19 ca khác đều khỏi. Cấy phân 3 lần và hơn, nha bào nấm đều âm tính. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết hợp, số tháng 9-1989).*

3. Trẻ em đái dầm: Bài thuốc gia hoàng kỳ 10g, sơn dược 10g, thạch xương bồ 6g. Dùng trị cho 1 bé gái 7 tuổi đái dầm đã 2 năm, cho uống liên tục 20 thang khỏi. *(Báo Trung Y Giang Tô, số tháng 12-1989).* Một bé gái 10 tuổi được điều trị bằng bài thuốc này cũng đã khỏi. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 11-1985).*

4. Chứng thận hư: Dùng bài thuốc này sắc uống 60 thang khỏi bệnh *(Tân Trung Y, số tháng 11-1985).*

5. Đại tiện táo bón: Dùng thuốc thang hoặc hãm nước sôi uống trị 1 ca gầy ốm, ăn kém, táo bón, mấy ngày uống 1 lần khỏi. *(Tạp chí Trung Y Hồ Nam, số tháng 5-1989).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ hư tiêu chảy. Trong bài có thang Tứ quân ngọt ôn tích tỳ, thêm lá hoắc hương, mộc hương, cát căn tĩnh tỳ trợ vận, dùng trị bệnh tiêu chảy mệt mỏi, chán ăn có kết quả tốt. Bài này dùng làm thuốc thang sắc uống tùy chứng gia giảm như vị khí mất điều hòa, nôn, buồn nôn gia bán hạ, đại giá thạch; chảy nước dĩaix hôi gia hoàng liên, hoạt thạch, kha tử, ích trí nhân; phù gia trư linh, trạch tả...

LỤC THẦN THANG

(Tống - Tam nhân cực - Bệnh chứng phương luận)

*** Thành phần và cách dùng:**

Liên phòng, cát căn, tỳ bà diệp, chích cam thảo, thiên hoa phấn, hoàng kỳ. Các vị thuốc liều lượng bằng nhau tán thành bột thô. Mỗi lần sắc uống 12g. Hay cũng có thể làm thuốc thang sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí dưỡng âm, nhuận táo chỉ khát. Chủ trị chứn tiêu khát, có triệu chứng ăn nhiều, uống nhiều, tiểu nhiều, người gầy, nước tiểu có vị ngọt.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị bệnh tiểu đường, đái nhạt, cường giáp...

1. Bệnh tiểu đường: Dùng bài thuốc gia giảm. Nếu thấy miệng khát uống nhiều, họng khô như đốt là chứng thượng tiêu gia sinh địa, mạch môn, tri mẫu, sa sâm; đói ăn nhiều, ra mồ hôi, người gầy, tiểu nhiều, táo bón là chứng trung tiêu gia hoàng liên, hoàng cầm, thạch cao, tri mẫu, mạch môn; nếu da mặt đen, tai khô cháy, tiểu nhiều và nhiều lần, nước tiểu vị ngọt hoặc như mỡ là chứng hạ tiêu gia sơn thù, thố ti tử, sa tật lê, ngũ vị tử, sinh địa, sơn dược....

2. Bệnh tiểu nhạt: Dùng bài thuốc gia giảm. Đối với chứng tiểu nhiều, mất nước, cuồng khát uống nhiều có tác dụng. Miệng khát uống nhiều gia sinh địa, thạch hộc, sa sâm, mạch môn; bứt rứt mất ngủ gia phục thần, viễn chí, từ thạch (nung), câu đằng.

3. Bệnh cường giáp: Bài thuốc dùng gia giảm. Đối với chứng ăn nhiều sút cân gầy, tự hãn, dùng trị có kết quả. Nếu kèm lo lắng bồn chồn gia bạch tật lê, câu đằng, xuyên luyện tử; mất ngủ gia dạ giao đằng, viễn chí, long cốt (nung) mẫu lệ (nung); kèm hồi hộp gia sao táo nhân, ích trí nhân, bá tử nhân.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng cho chứng tam tiêu do phế tỳ thận âm hư. Trong bài dùng tỳ bà, cát căn, thiên hoa phấn thanh phế dưỡng vị sinh tân, phối hợp liên phòng thu liễm nên 3 chứng tam tiêu đều điều trị được. Trên lâm sàng chủ yếu dùng để trị những triệu chứng ăn nhiều chóng đói, tiểu nhiều sút cân, lưỡi đỏ rêu vàng táo mạch tế sác. Nếu chó chứng tâm vị hỏa thịnh, thượng tiêu táo nhiệt nặng, dùng bài thuốc hợp với vài Nhân sâm bạch hổ thang hoặc bài Nhi đông thang; trường hợp tỳ vị táo nhiệt dùng với Bạch hổ thang;nếu thận thủy suy kiệt, chứng hóa rối loạn hợp với Lục vị địa hoàng thang; trường hợp âm hư cập dương, hỏa suy không hóa khí, thủy suy không chưng hóa được tân dịch gia phụ tử, nhục quế.

Những bài thuốc cùng tên

Lục thần thang (*Sách Kỳ hiệu lương phương)* gồm có sao hoàng liên, xa tiền tử, địa du, chi tử nhân, chích cam thảo, trần bì có tác dụng thanh nhiệt, giải độc chỉ huyết; chủ trị chứng xích lỵ bụng đau xuất huyết.

LỤC THẦN TÁN

(Tống - Tam nhân cực - Bệnh chứng phương luận)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, sao sơn dược, bạch truật, cam thảo. Phục linh, sao biển đậu. Các vị thuốc lượng bằng nhau, tán thành bột thô. Trẻ em mỗi lần uống 3g, người lớn 9g, gia sinh khương 2 lát, đại táo 1 quả; sắc nước, ngày uống 2 lần. Có thể làm thuốc thang sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ. Chủ trị chứng tỳ vị khí hư, ăn ít, tiêu lỏng, mệt mỏi, trẻ em sau khi mắc bệnh sốt biểu lý đều hư hoặc sốt lại, hoặc trẻ đau bụng chân tay lạnh, tiêu phân xanh trắng lỏng, bỏ bú.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng điều trị trẻ em tiêu chảy, người lớn rối loạn chức năng tỳ vị, rối loạn tiêu hóa. Có thể dùng điều trị chứng viêm đại trạng mạn, ung thư dạ dày sau phẫu thuật.

1. Tiêu chảy trẻ em: Dùng trị chứng bụng đau, tiêu chảy trẻ em không do nhiễm khuẩn, đại tiện phân xanh trắng. Trường hợp không ăn, bú có thể gia tiêu sơn tra, tiêu mạch nha.

2. Suy giảm chức năng trường vị: Bài thuốc gia chích kê nội kim, cốc nha, mạch nha trị chứng tỳ vị khí hư sinh rối loạn tiêu hóa, chán ăn, bú. Nếu bụng đầy gia mộc hương, trần bì.

3. *Ung thư trường vị sau phẫu thuật:* Bài thuốc gia giảm điều trị có lợi cho tăng khẩu vị, tăng chức năng hấp thu tiêu hóa, tăng miễn dịch của cơ thể có lợi cho sức khỏe hồi phục.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng cho chứng tỳ vị hư nhược gây nên chán ăn, bú, tiêu lỏng. Bài thuốc do bài tứ quân hợp sơn dược, biển đậu để ích khí kiện tỳ. Trường hợp bệnh tình không nặng, nhân sâm có thể dùng thay đảng sâm; chứng hư hàn rõ gia phụ tử, can khương; bụng lạnh đau gia ô dược, bào khương; ăn bú ít, bụng đầy gia mộc hương; sa nhân, có rối loạn tiêu hóa gia tiêu sơn tra, sao mạch nha.

Những bài thuốc cùng tên

1. Lục thần tán (*Kỳ hiệu lương phương)* gồm xuyên khung, phòng phong, chích cam thảo, khương hoạt, kinh giới tuệ, kê tô tán hợp thành, có tác dụng sơ tiết phong tà, chủ trị chứng phong huyền phiền muộn hoa mắt chóng mặt hoặc cũng có thể dùng trị chứng thương phong đau đầu.

2. Lục thần tán *(Chứng trị chuẩn thằng)* gồm nhân sâm, bạch truật, phục linh, chích thảo, sao biển đậu, hoàng kỳ, sinh khương, đại táo; có tác dụng ích khí kiện tỳ; chủ trị tỳ vị hư nhược, tân dịch khô thiếu, không muốn ăn, người hư nhiệt.

KIỆN TỲ DƯỠNG VỊ THANG

(Thanh - Thương khoa bổ yếu)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, bạch truật, đương qui, hoàng kỳ, bạch thược, trần bì, tiểu hồi hương, phục linh, trạch tả. Dùng theo liều thông dụng sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Kiện tỳ dưỡng vị. Chủ trị chứng tỳ vị hư nhược, ăn kém tiêu lỏng, mệt mỏi, mạch nhu nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng thường dùng trị chứng tỳ vị hư nhược ăn ít, tiêu lỏng và chứng suy thận.

*Suy thận mạn tính:*dùng bài thuốc bỏ tiểu hồi hương gia sinh địa, câu kỷ tử hoặc bán hạ, hậu phác, đã trị 65 ca. Lúc u rê máu tăng cao gia thuốc thanh nhiệt như kim ngân hoa, cúc hoa, lợi thấp gia phòng kỷ, giáng trọc gia đại hoàng. Lúc nhiễm độc u rê, dùng thêm thuốc đại hoàng, phụ tử, mẫu lệ sắc thụt đại tràng và tùy tình hình mà gia thêm thuốc Tây hạ áp, lợi tiểu, tiêu viêm, điều chỉnh nhiễm độc toan.

Kết quả từ 26 đến 186 ngày sau khi điều trị, có kết quả tốt 14 ca, có chuyển biến tốt 23 ca, không kết quả 7 ca, tử vong 12 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 1-1988).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ vị hư yếu, ăn ít tiêu lỏng. Trong bài, nhân sâm, bạch truật, phục linh, hoàng kỳ ích khí kiện tỳ, thêm đương qui, bạch thược, trần bì, tiểu hồi hương huyết lý khí, kiện tỳ dưỡng vị. Trường hợp rêu dày bụng đầy gia thương truật, hậu phác, lục khúc, mạch nha; tiêu lỏng gia mộc hương, cát căn.

SINH MẠCH TÁN

(Kim - Nội ngoại thương biện hoặc luận)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 15g, mạch môn, ngũ vị tử đều 9g. Sắc nước uống; mỗi ống 10ml, mỗi lần uống 1 ống, ngày uống 2-3 lần. Thuốc tiêm mỗi ống 2ml, mỗi ngày tiêm 2-15 ống, cho vào dung dịch 5% gluco truyền tĩnh mạch dùng lúc cấp cứu bệnh nặng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí sinh mạch liễm âm chỉ hãn. Chủ trị thử nhiệt thương khí, khí âm bất túc, mệt mỏi khó thở, miệng khát nhiều mồ hôi, ho lâu ngày, ít đàm, mạch hư nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị các bệnh sốt, các thể choáng, tim loạn nhịp, tràn dịch màng phổi tái phát, bệnh mạch vành, suy tim, cũng có thể trị các chứng mất ngủ, ban xuất huyết do giảm tiểu cầu nguyên phát, nục huyết, chứng tăng tế bào đơn nhân truyền nhiễm, bệnh tiểu đường, teo thị thần kinh, hư lao.

1. Bệnh sốt: Bài thuốc gia giảm trị các bệnh abcès phổi do nhiễm tụ cầu vàng, bệnh tâm phế mạn nhiễm khuẩn, viêm cwo tim nhiễm độc, sốt sau sanh mà những triệu chứng chủ yếu có sốt, ra mồ hôi, khó thở, tinh thần mệt mỏi, miệng khát, lưỡi táo, mạch hư vô lực đều có kết quả tốt. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 5-1983).*

2. Viêm não B thời kỳ hồi phục: Đã dùng Trung Tây Y kết hợp trị 39 ca viêm não B thời kỳ cuối, do sốt cao gây tổn thương vị âm, dùng sinh mạch tán gia giảm điều trị bệnh hồi phục được nhanh và tốt, kết quả bệnh khỏi đạt 92,3%. *(Báo Trung Y Quảng Đông, số tháng 3-1958).*

3. Choáng: Bài thuốc bỏ vị ngũ vị tử chế thành thuốc tiêm sâm mạch,mỗi lần dùng 10-20ml cho vào 500ml dung dịch gluco 5% trị choáng 30 ca các loại (đều đã có kết hợp các phương pháp tích cực khác như dùng thuốc nang áp, điều chỉnh

nhiễm độc toan, cân bằng kiềm toan, chống nhiễm khuẩn mà choáng vẫn nặng). Kết quả choáng do nhiễm khuẩn 20 ca đều khỏi, choáng do giảm lượng huyết 7 ca, choáng do tim 1 ca vượt qua được, 2 ca rối loạn nhịp tim nặng bị choáng tử vong. *(Học báo Trung Y Học Viện Thành Đô, số tháng 2-1988).* Trị choáng do sốt xuất huyết 122 ca trên cơ sở dùng thuốc Tây y thêm tây dương sâm 9g, mạch đông 30g, ngũ vị tử 3g, mỗi ngày 1-2 lần, đem uống hoặc cho qua đường mũi, dùng thêm thanh dinh thang gia giảm. Có thêm tổ điều trị bằng Tây Y 42 ca làm lô đối chứng. Kết quả huyết áp tụt trở lại lô điều trị 16,4%, lô đối chứng 71,4%; tiểu ít, bí tiểu lô điều trị 56,42%, lô đối chứng 81,23%; thời gian hồi phục bình thường của urê, creatinin của lô điều trị là 8,73 ngày, của lô đối chứng là 16,05 ngày; tỷ lệ tử vong của lô điều trị là 1,6%, của lô đối chứng là 16,66%. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 3-1983).* Bài thuốc phối hợp với thuốc Tây trị nhồi máu cơ tim cấp kèm choáng 34 ca, lô đối chứng trị bằng thuốc Tây 48ca. Kết quả tử vong ở lô điều trị là 18,6% và của lô đối chứng là 40%. *(Học Báo Trung Y Học Viện Nam Kinh, số tháng 2-1985).*

Một báo cáo khùng dịch tiêm sinh mạch tán cấp cứu 70 ca choáng (trong đó do nhiễm khuẩn 9 ca, xuất huyết 4 ca, choáng do tim 57 ca). Dịch sinh mạch mỗi ngày 30-50ml cho vào 500ml dung dịch gluco 10% truyền tĩnh mạch, đồng thời uống lượng nhiều nước sắc sinh mạch tán (có bạch sâm hoặc hồng sâm 9g, mạch đông 30g, ngũ vị tử 9-15g), dương hư rõ, chích thêm dịch tứ nghịch thang. Kết quả sau khi dùng thuốc 1-20 phút, huyết áp tăng thêm 2,67-4.0kPa (11mmHg-26mmHg); uống trong 2 giờ, huyết áp tăng 2,67-5,33kPa (11mmHg - 35mmHg); tỷ vong tử vong của lô kết hợp Trung Tây y thấp hơn của lô dùng Tây y. *(Báo Triết Giang Trung Y Dược, số tháng 7-1979).*

4. Chứng tăng tế bào đơn nhân truyền nhiễm: Bài thuốc gia vị điều trị. Bệnh nhân sốt 3 tháng, có tổn thương cơ tim và suy giảm chức năng gan, cơ thể suy nhược, nhiều mồ hôi, tiểu ít, táo bón, mạch trầm nhược. Bệnh nhân vào viện 37

ngày sau chuyển, điều trị Trung dược, mỗi ngày uống 1 thang, sau 1 tuần bệnh nhân sốt hạ. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết Hợp, số tháng 6-1986).*

5. Lao phổi: Dùng bài thuốc gia vị điều trị. Bệnh nhân hư lao ho suyễn. Dùng thuốc chống lao không kết quả. Sau khi uống bài thuốc này, bệnh nhân tinh thần hồi phục tốt, các triệu chứng mệt mỏi ho suyễn không còn. *(Học Báo Trung Y Dược, số tháng 3-1985).*

6. Phòng vùng cao nguyên thiếu dưỡng khí: Lên vùng cao nguyên thiếu dưỡng khí ảnh hưởng không tốt cho tim phổi, số người dùng bài thuốc uống thấy dễ chịu, một số khác dùng bài thuốc Đơn sâm, xuyên khung hợp tễ thì không thấy kết quả rõ rệt.

7. Rối loạn thần kinh thực vật sau phẫu thuật: Bài thuốc gia vị dùng điều trị chứng rối loạn thần kinh thực vật sau phẫu thuật có triệu chứng như cảm giác sốt, ra mồ hôi nhiều, miệng khát, sắc mặt tái nhợt hoặc ửng đỏ, tinh thần mệt mỏi, chất lưỡi hồng nhạt, mạch tế sác có được cải thiện rõ rệt. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 2-1989).*

8. Teo thần kinh thị: Dùng bài thuốc gia giảm điều trị có tác dụng nhất định. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 7-1957).*

***Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tâm phế lưỡng hư, tân dịch bất túc hoặc khí âm muốn tuyệt. Trong bài nhân sâm đại bổ nguyên khí, hợp với mạch môn dưỡng âm sinh tân, ngũ vị tử liễm phế chỉ hãn. Ba vị thuốc cùng dùng, một bổ, một thanh, một liễm, đó là đặc điểm phối ngũ của bài thuốc.

Bài thuốc này thông thường không độc và tác dụng phụ. Có báo cáo dùng thuốc tiêm sinh mạch trị nhiều loại nhịp tim rối loạn, choáng, viêm cơ tim ở 350 ca không thấy có tổn thương gan thận trong đó có 2 ca xơ gan do tim, dùng thuốc 2-3 tuần có xuất hiện vàng da, ngưng thuốc hết vàng da, vì vậy cần thận trong lúc dùng thuốc đối với bệnh xơ gan.

Lúc dùng thuốc sắc cần chú ý theo tình hình bệnh mà gia giảm. Trường hợp miệng khát uống nhiều, gia lô căn, hoa phấn; lưỡi đỏ, nhịp tim nhanh gia hoàng liên; tâm dương không đủ gia phụ tử, mồ hôi nhiều gia long cốt, mẫu lệ; bệnh lâu ngày suy nhược dùng sâm Cao Ly hoặc sâm Cát Lâm; nhiệt thương âm nhiều dùng tây dương sâm hoặc nam sa sâm, bắc sa sâm, bình thường dùng đảng sâm.

Kết quả ngiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc có tác dụng cường tim, tăng huyết áp và an thần chủ yếu do:

1. Thuốc có tác dụng tăng cường sự hợp thành của DNA cơ tim, nâng cao chức năng các tạng phủ, kích động tiềm lực của tim.

2. Nâng cao ngưỡng thích nghi với trạng thái thiếu oxy của cơ tim, giảm bớt lượng tiêu hao oxy của cơ tim.

3. Ức chế hoạt tính ATPase của màng cơ tim.

4. Kéo dài thời gian ngủ và thời gian tác dụng của Natri barbitalum.

5. Cải thiện vi tuần hoàn, ức chế sự hình thành huyết khối và chống đông máu mạnh.

QUỲNH NGỌC CAO

(Tống - Hồng thi tập nghiệm phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 750g, sinh địa hoàng 9000g, phục linh 1500g, mật trắng 5000g. Thuốc chế thành cao. Mỗi sáng uống 15-30g với nước sôi để nguội.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Tư âm nhuận phế bổ khí ích tỳ. Chủ trị phế thận âm hư, chứng hư lao ho khan, họng khô, ho ra máu, người mệt mỏi khó thở.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng kết hợp thuốc chống lao trị chứng lao phổi, phế khí thũng, các chứng hư nhược. Có thể dùng làm thuốc hỗ trợ trị ung thư phổi.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc dùng trị chứng ho khan do phế thận âm hư. Trong bài, sinh địa tư âm tráng thủy, nhân sâm, phục linh bổ phế ích tỳ, phế tỳ thận 3 tạng cùng bổ, dùng liệu pháp kim thủy tương sinh, bồi thổ bổ kim.

Những bài thuốc cùng tên

1. Quỳnh ngọc cao (*cù tiên hoạt nhân tâm phương)* tức bài này gia hầm trương, hổ phách có tác dụng giáng khí ninh tâm.

2. Quỳnh ngọc cao *(Trương thị y thông)* bài này bỏ mật trắng gia đường phèn, trầm hương, hổ phách; chủ trị chứng hư lao, ho khan, trong họng có máu tanh, ngực đau âm ỉ.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại chứng minh bài thuốc có tác dụng tư bổ cường tráng, kéo dài tuổi thọ, có khả năng điều chỉnh chức năng miễn dịch người cao tuổi.

TAM TÀI HOÀN

(Tống - Phổ tế phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 60g, mạch đông 90g, sinh địa 90g. Tất cả vị thuốc tán bột mịn luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 2 lần. Trường hợp làm thuốc thang theo liều thường dùng thì gọi là bài Tam tài thang.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ ích khí âm, tư dưỡng phế thận. Chủ trị chứng khí âm bất túc, hư lao, hơi ngắn, tinh thần mệt mỏi, chứng thửu ôn khí âm lưỡng hư, chán ăn, ngủ không ngon giấc, thần khí lơ mơ.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng hư lao, có thể dùng trị chứng đau đầu, rụng tóc, bế kinh, khớp hàm sưng đau, dương nuy, táo bón người cao tuổi...

1. *Trị táo bón người cao tuổi:* Bài thuốc gia vị dùng trị một phụ nữ cao niên 81 tuổi, lưỡi nhạt, nứt nẻ, rêu trắng mỏng, mạch trầm tế, táo bón nhiều ngày mới đại tiện 1 lần kèm theo đau đầu, chán ăn đã 10 năm. Kết quả uống 3 thang bệnh khỏi. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 4-1985).*

2. Đau đầu: Bài thuốc gia vịt rị một nữ bệnh nhân 34 tuổi đau đầu hơn 2 tháng. Kết quả uống 3 thang giảm nhiều, tiếp tục trị thêm 15 ngày bệnh khỏi (*Tạp chí Trung Y Hồ Bắc số tháng 4-1985).* Dùng bài thuốc gia vị trị 1 bệnh nhân nữ 38 tuổi đau đỉnh đầu đã hơn 20 năm. Kết quả uống 7 thang bệnh khỏi. Sau khi xuất viện, bệnh nhân được theo dõi 3 tháng không tái phát. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 4-1985).*

3. Rụng tóc: Bài thuốc gia vị trị 1 bệnh nhân sau sanh 3 tháng rụng tóc diện tích 1/4 đầu, lưỡi sắc nhạt, rêu trắng mỏng, mạch hoãn tế vô lực. Kết quả sau khi uống 20 thang thì tóc bắt đầu mọc dần và sau hơn 1 tháng không còn hói đầu. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 4-1985).*

4. *Tắt kinh:* Một bệnh nhân sau sanh do mất máu quá nhiều, tắt kinh thứ phát đã hơn 7 tháng. Kết quả sau khi uống 5 thang kinh nguyệt xuất hiện trở lại. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 4-1985).*

5. Viêm khớp hàm: Bài thuốc gia vị trị 1 ca bệnh nhân nam, viêm khớp hàm bên phải, sưng đau nhiều, há miệng khó khăn. Kết quả sau khi uống 5 thang hết các triệu chứng, miệng há trước đó đo khoảng cách giữa 2 răng cửa chỉ được 2cm thì đã tăng lên 5cm. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 4-1985).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị khí âm bất túc, chứng tâm phế thận đều hư. Trong bài nhân sâm ích tâm khí, mạch môn bổ phế âm, sinh địa tư thận tinh. Trên lâm sàng nếu can dương thiên kháng có triệu chứng đau đầu, váng đầu hoa mắt gia mẫu lệ, qui bản, huyết hư gia hà thủ ô, đương qui, thận hư gia thục địa, thiên đông, thỏ ti tử.

BẢO TRẦN THANG

(Nguyên - Thập dược thần thư)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, sinh địa, bạch truật, hoàng kỳ, nhân sâm đều 9g, xích phục linh, trần bì, xích thược, cam thảo, phục linh, hậu phác đều 4,5g, thiên môn, mạch môn, bạch thược, tri mẫu, hoàng bá, ngũ vị tử, sài hồ, địa cốt bì, thục địa đều 3g, gia 3 lát gừng tươi, 5 quả đại táo, sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ hóa thấp, tư âm, dưỡng huyết thanh nhiệt. Chủ trị chứng phế tỳ bất túc, tinh thần mệt mỏi, ăn kém, bụng trên đầy trướng, sắc mặt tái nhợt, cơ nhão, người sốt bứt rứt, tự hãn, đạo hãn, thận âm hư suy, cốt chung triều nhiệt, đầu mắt huyễn vựng, ù tai, điếc tai, lưng gối nhức mỏi, ngủ không yên giấc, trí nhớ sút giảm, miệng khô họng đau, lòng bàn chân tay nóng, khí âm lưỡng thương, mệt mỏi ngắn hơi, ho khan ít đàm, trong đàm có máu, kinh nguyệt lượng nhiều, băng lậu không dứt, di tinh tảo tiết, tiểu tiện sáp đỏ, sốt nhẹ âm ỉ, mạch hư tế đái sác...

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc có thể dùng trị chứng suy tủy, chứng ra mồ hôi, chứng hư, lao phổi, các chứng huyễn vững, hồi hộp, mất ngủ, suy nhược sớm, trẻ em phát dục chậm, bệnh sốt thời kỳ hồi phục, hội chứng mãn kinh, rối loạn thính dục nam giới, hội chứng sốt cơ năng, chứng giảm tế bào hạt, chứng xuất huyết do giảm tiểu cầu, viêm cầu thận mạn tính....

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tỳ phế thận hư tổn, khí huyết bất túc, thận âm hư nhược, âm hư hỏa vượng. Trong bài, dùng thuốc ích khí kiện tỳ như nhân sâm, hoàng kỳ, bạch truật, phục linh, cam thảo, trần bì cùng với thuốc bổ phế thận, tư âm dưỡng huyết thanh nhiệt như thiên môn, mạch môn, bạch thược, đương qui, thục địa, tri mẫu, hoàng bá, địa cốt bì. Trên lâm sàng chủ yếu dùng trị các chứng

như mệt mỏi ăn kém, hụt hơi lười nói, sắc mặt kém tươi nhuận, bụng trên đầy tức, bứt rứt khó ngủ, ra mồ hôi, mồ hôi trộm, váng đầu chóng mặt, ù tai điếc tai, giảm trí nhớ, mạch tế đái sác...

Trường hợp hồi hộp mất ngủ nhiều gia toan táo nhân viễn chí, bá tử nhân; di tinh tảo tiết nặng gia sơn thù nhục, liên tu, mẫu lệ; sốt nhẹ kéo dài gia miết giáp, thanh hao, hồ hoàng liên, đạo hãn, tự hãn không hết gia phù tiểu mạch, mẫu lệ, rễ lúa nếp.....

Những bài thuốc cùng tên

Bảo trân thang *(Truyền thanh chủ nữ khoa)* gồm hoàng kỳ, địa cốt bì, xuyên khung, hoàng liên, sao hoàng bá, nhân sâm, sao bạch truật, đương qui, mạch đông, bạch thược, kỷ tử, tri mẫu, sinh địa, chích thảo, thiên đông, ngũ vị tử, đại táo có tác dụng bổ khí dưỡng âm, thanh nhiệt trừ chưng, chủ trị chứng cốt chưng sản hậu.

NHÂN SÂM CỐ BẢN HOÀN

(Nguyên - Thụy trúc đường kinh nghiệm phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Thục địa, sinh địa, mạch đông, thiên đông đều 30g, nhân sâm 15g. Các vị thuốc tán bột mịn luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô đồng. Mỗi lần uống 6-9g với nước sôi nguội hoặc nước muối nhạt.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ phế thận, ích tâm tinh. Chủ trị chứng phế hư lao nhiệt, khái nghịch, người già tinh huyết hư suy, táo bón.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng lao phổi, hen suyễn, viêm phế quản mạn tính, tiểu đường, người già yếu hư nhược.

1. Lao phổi: Phối hợp với các thuốc chống lao trị lao phổi; trường hợp ho ra máu gia bột tam thất, bột bạch cập uống.

2. Hen suyễn: Dùng vào thời kỳ ổn định, cùng uống với bột tắc kè, bột hà xa.

3. Bệnh tiểu đường: Dùng cho tiểu đường thể thượng tiêu và hạ tiêu, hạ tiêu có thể dùng thêm kim quỉ thận khí hoàn.

*** Chú ý lúc dùng:**

Chủ yếu dùng trị chứng tinh huyết hư suy, phế thận lưỡng hư; trong bài, sinh thục địa tư thận ích tinh, mạch môn, thiên môn, nhân sâm nhuận phế ích khí. Trường hợp tỳ hư tiêu lỏng, ăn kém rêu lưỡi nhầy và có chứng ngoại cảm, không dùng bài này.

HÀ NHÂN ẨM

(Minh - Cảnh Nhạc toàn thư)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hà thủ ô 9-30g, đương qui 9g, nhân sâm 9-30g, trần bì 6g, gừng nướng 3 lát. Sắc uống trước lúc lên cơn sốt rét 2-3 giờ.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ khí huyết, trị hư nhược. Chủ trị chứng sốt rét tái phát nhiều lần, tinh thần mệt mỏi, sắc mặt vàng bủng, chất lưỡi nhạt, mạch hoãn hư.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng sốt rét tái phát nhiều lần.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng sốt rét lâu ngày cơ thể hư nhược, Đông y gọi là lao ngược hoặc hư ngược. Trong bài, nhân sâm ích khí phò chính, hà thủ ô, đương qui bổ ích tinh huyết. Khí huyết song bổ. Lúc sốt rét đang lên cơn nên gia vị thanh hao và thường sơn để khu tà triệt ngược. Trường hợp lách to nên gia bài miết giáp tiễn hoàn cùng dùng.

CHƯƠNG II
BÀI THUỐC BỔ HUYẾT

TỨ VẬT THANG

(Tống - Thái Bình Huệ Dân hòa tễ cục phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, xuyên khung, bạch thược, thục địa. Các vị bằng nhau tán bột thô, mỗi lần 9g sắc uống. Có thể làm thuốc sắc, thuốc hoàn, các vị trong bài theo liều thường dùng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ huyết điều huyết; chủ trị chứng dinh huyết hư trệ, kinh giật váng đầu, mắt hoa tai ù, sắc mặt vàng bủng, môi móng, tay chân kém tươi nhuận, đau bụng vùng rốn, kinh nguyệt không đều, chất lưỡi sắc nhợt, mạch huyền tế hoặc tế sáp.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng kinh nguyệt không đều, xuất huyết tử cung cơ năng, viêm hố chậu, ngôi thai không bình thường, thai ngoài tử cung, bệnh vảy nến, ngứa ngoài da, chứng mề đay, phong chẩn mạn tính, tử ban dị ứng, đau đầu cơ năng, phù do rối loạn thần kinh mạch máu, tiểu ra máu không rõ nguyên nhân, viêm thận mạn tính...

1. Tử cung xuất huyết cơ năng: Bài thuốc gia giảm trị 93 ca. Kết quả khỏi 76 ca, có kết quả rõ 11 ca, có kết quả ít 4 ca và không kết quả 2 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 8 ngày và dài nhất 16 ngày. *(Báo Trung Y Triết Giang, số tháng 1-1989).*

2. Kinh lậu (kinh ri rỉ kéo dài): Dùng bài thuốc gia giảm trị 250 ca. Kết quả rõ rệt 198 ca, có kết quả 28 ca, không kết quả 24 ca. *(Học Báo Học viện Trung Y An Huy, số tháng 3-1986).* Có báo cáo dùng thuốc gia giảm trị 59 ca trong đó nạo hút thai gây xuất huyết 12 ca, sau đặt vòng xuất huyết 8 ca, sau sanh và xuất huyết sau nạo phá thai 8 ca, u xơ tử cung 8 ca, tiền mãn kinh xuất huyết tử cung 13, kinh nguyệt không đều, viêm nội mạc tử cung, xuất huyết do thuốc tránh thai 10 ca. Kết quả rõ rệt 4 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 9 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 7 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 4-1990).*

3. Suy giảm chức năng hoàng thể: Bài thuốc gia giảm điều trị 40 ca suy giảm chức năng hoàng thể gây xuất huyết, kết quả đều khỏi. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 10-1986).*

4. Ngôi thai không bình thường: Bài thuốc gia giảm trị 87 ca. Kết quả khỏi 78 ca, không kết quả 9 ca. *(Thông Tin Tân Y Dược, số tháng 10-1972).*

5. Viêm hố chậu: Bài thuốc gia giảm trị 154 ca gồm có viêm phần phụ cấp 5 ca, mạn tính 143 ca, viêm phần phụ mạn tái phát cấp tính 6 ca. Kết quả khỏi 89 ca, kết quả rõ rệt 46 ca, có kết quả 8 ca, không kết quả 11 ca. *(Tạp chí Y Học Hồ Nam, số tháng 4-1983).*

6. Thai ngoài tử cung: Bài thuốc gia giảm trị 5 ca, kết quả toàn bộ khỏi. *(Báo Y Sơn Đông, số tháng 12-1965).*

7. Sốt sau sanh: Bài thuốc gia giảm trị 153 ca. Kết quả khỏi 107 ca, có kết quả 41 ca, không kết quả 5 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 6 ngày. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 6-1990).*

8. Chứng ngứa ngoài da người cao tuổi: Bài thuốc gia giảm trị 45 ca. Kết quả khỏi 26 ca, kết quả rõ 17 ca, không kết quả 2 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 2-1990).*

9. Đau lưng phụ nữ: Bài thuốc gia giảm trị 135 ca. Kết quả khỏi 37 ca, có kết quả 82 ca, không kết quả 16 ca. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 8-1986).*

10. Ban xuất huyết do giảm tiểu cầu nguyên phát: Bài thuốc gia giảm trị 17 ca. Kết quả rõ rệt 12 ca, có kết quả 4 ca, không kết quả 1 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 11 ngày, dài nhất 53 ngày. *(Báo Trung Y Dược Hắc Long Giang, số tháng 6-1990).*

11. Mề đay: Bài thuốc gia giảm trị 51 ca. Kết quả rõ rệt 28 ca, có kết quả 12 ca, không kết quả 11 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 10 ngày. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 8-1965).*

12. Vảy nến (Psoriasis): Bài thuốc gia giảm trị 10 ca. Kết quả khỏi 2 ca, có kết quả rõ 7 ca, có kết ẩu 1 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 4 ngày, dài nhất 49 ngày. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 2-1965).*

13. Mụn cơm: Bài này gia giảm trị 67 ca, kết quả toàn bộ khỏi. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 2 ngày, dài nhất 12 ngày. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 11-1986).*

14. Mũi cà chua (Rosacea): Bài thuốc gia giảm trị 40 ca. Kết quả tốt 18 ca, có kết quả 14 ca, không kết quả 8 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 18 ngày, dài nhất 60 ngày. *(Báo Hàm Thụ Trung Y Thiểm Tây, số tháng 5-1987).*

15. Đau đầu thần kinh: Bài thuốc gia giảm trị 79 ca. Kết quả khỏi 19 ca, kết quả tốt 32 ca, có kết quả 24 ca, không kết quả 4 ca. Thời gian dùng thuốc ngắn nhất 10 ngày, dài nhất 30 ngày. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 7-1989).* Một báo cáo khác dùng thuốc gia giảm trị 24 ca. Kết quả khỏi 20 ca, có kết quả 4 ca. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 11-1986).*

16. Viêm khớp phong thấp: Bài thuốc gia giảm trị 100 ca. Kết quả khỏi 58 ca, tốt 42 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 10 ngày, dài nhất 60 ngày. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 4-1977).*

17. Viêm thận cấp và mạn tính: Bài thuốc gia giảm trị 200 ca gồm 50 ca viêm cầu thận cấp, 150 ca viêm cầu thận mạn tính. Kết quả tỷ lệ có kết quả của viêm cầu thận cấp đạt 90% tỷ lệ có kết quả của viêm cầu thận mạn đạt 72,58% *(Tư liệu Nghiên cứu kết hợp Trung Tây Y, số tháng 6-1980).* Một báo cáo khác dùng bài thuốc gia giảm điều trị 42 ca gồm 5 ca viêm cầu thận cấp, 33 ca viêm cầu thận mạn, viêm thận do dị ứng 4 ca. Kết quả tỷ lệ khỏi của viêm cầu thận cấp đạt 60%, của viêm cầu thận mạn đạt 39,4%, số viêm cầu thận do dị ứng đều khỏi. *(Tạp chí Nội khoa Trung Hoa, số tháng 1-1978).*

18. Huyết niệu không rõ nguyên nhân: Bài thuốc gia giảm trị 3 ca, kết quả đều khỏi. *(Triết Giang Trung Y Dược, số tháng 2-1976).*

19. Trẻ em xuất huyết do dị ứng: Dùng bài thuốc gia giảm trị 25 ca trẻ em xuất huyết do dị ứng, kết quả đều khỏi. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 6 ngày, dài nhất là 15 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 6-1988).*

20. Phù tái phát nhiều lần do rối loạn thần kinh mạch máu: Dùng bài thuốc gia giảm điều trị 5 ca, kết quả toàn bộ khỏi. Theo dõi vài năm không thấy tái phát. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 2-1964).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng dinh huyết hư trệ. Trong bài, thục địa, bạch thược tĩnh dưỡng dinh huyết hợp với đương qui, xuyên khung hoạt huyết hòa dinh, bốn vị tương phối là có động tĩnh phối hợp, trong bổ có thông khiến cho dinh huyết hồi phục mà lưu thông không trở ngại; đó là đặc điểm phối hợp của bài thuốc. Trên lâm sàng chủ yếu dùng cho chứng bệnh sắc mặt vàng bủng, môi móng kém tươi nhuận, chất lưỡi tái nhợt, mạch tế huyền hoặc tế sáp.

Tác dụng chủ yếu của bài thuốc là bổ huyết, cũng có tác dụng hoạt huyết. Lúc dùng trên lâm sàng tùy theo tình hình bệnh mà gia giảm như trường hợp huyết hư nặng thì dùng thục địa, bạch thược, đương qui thân, dùng ít xuyên khung, trường hợp huyết ứ nặng, xuyên khung lượng nhiều hơn, đương qui vỹ thay đương qui, xích thược thay bạch thược, sinh địa hay thục địa....để tăng cường hoạt huyết hóa ứ.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc có tác dụng tăng rõ phản ứng tế bào miễn dịch. Bài thuốc còn có tác dụng ức chế tác dụng thể dịch miễn dịch, kéo dài tuổi thọ của kháng thể, ức chế phản ứng viêm do dị ứng thuốc, thúc tiến sự thành thục của tế bào lưới hồng cầu.

THẬP TOÀN ĐẠI BỔ THANG

(Tống - Thái Bình Huệ Dân hòa tễ cục phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, thục địa, bạch thược, nhân sâm, bạch truật, phục linh, hoàng kỳ đều 10g, xuyên khung, chích thảo đều 5g, nhục quế 3g. Tất cả vị thuốc tán bột thô, mỗi lần dùng 6g, gia gừng tươi 2 lát, đại táo 2 quả rồi sắc nước uống. Hiện dùng thuốc phiến sắc uống, hoặc làm thuốc viên, mỗi lần uống 6-9g, mỗi ngày uống 2-3 lần.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ôn bổ khí huyết. Chủ trị chứng khí huyết bất túc, hư lao ho suyễn, sắc mặt tái nhợt, chân gối yếu, di tinh, băng lậu, kinh nguyệt không đều, chứng nhọt lở khó lành miệng.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

1. *Trị cẳng chân loét lâu ngày không khỏi:* Dùng bài thuốc sắc nước đặc tẩm gạc đắp ngoài, dùng trị 1 ca bệnh nhân loét 1/3 dưới cẳng chân phải diện tích 10x 4cm, vùng trung tâm sâu đến xương diện tích 5x 2cm, sắc da quanh bờ vết loét thâm đen chảy nước, mặt vết loét phủ một lớp xanh xạm. Kết quả sau khi đắp được 14 ngày, tổ chức hạt bắt đầu mọc, sắc da quanh bờ vết loét hồi phục gần bình thường. Sau 60 ngày tổ chức hạt mọc đầy và sau 5 tháng vết loét khỏi hoàn toàn, theo dõi thời gian vài năm không thấy tái phát. *(Tạp chí Trung Tây Kết Hợp, số tháng 5-1988).*

2. *Trị chứng mụn nhọt khắp người không khỏi:* Dùng bài thuốc gia giảm trị 1 bệnh nhân mắc chứng mụn khắp người hơn 1 tháng không khỏi, không có mủ, sắc nhạt, không lở loét. Kết quả sau khi uống 2 thang, mụn tiêu bớt, uống thêm 5 thang bệnh khỏi, theo dõi 1 năm không thấy tái phát. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 6-1988).*

3. Tác dụng chống phản ứng độc của hóa trị đối với bệnh ung thư: Dùng bài thuốc sắc uống cùng dùng với thuốc tây trị 50 ca ung thư gồm ung thư dạ dày 22 ca, ung thư đại tràng 9 ca, trực tràng 9 ca, ung thư vú 10 ca. Kết quả đạt tỷ lệ có kết quả 88%. Tác dụng phụ về tiêu hóa giảm rõ, kết quả xét nghiệm máu và nước tiểu không phát hiện bất thường. *(Báo Hán Phương Y Học, số tháng 4-1986).*

4. Sa dạ dày: Bài thuốc gia giảm trị 16 ca. Kết quả tốt 14 ca, có kết quả 1 ca, không kết quả 1 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 15 ngày, dài nhất 70 ngày. *(Báo Trung Y Dược Phúc Kiến, số tháng 3-1965).*

5. Trị mề đay khó khỏi: Bài thuốc gia giảm trị 22 ca, kết quả toàn bộ đều khỏi. *(Báo Trung Y Hà Nam, số tháng 6-1983).*

6. Trị hội chứng tiền đình: Bài thuốc gia giảm trị 27 ca. Kết quả khỏi 23 ca, có kết quả tốt 3 ca, không khỏi 1 ca. Thời gian điều trị ngắn nhất 6 ngày, dài nhất 24 ngày. *(Báo Trung Y Dược Quảng Tây, số tháng 1-1987).*

7. Chứng bạch huyết cầu giảm do uống thuốc Tây 11 ca. Kết quả sau khi uống bài thuốc này từ 4 đến 11 ngày, toàn bộ bệnh nhân số lượng bạch cầu trở lại bình thường. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 4-1981).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc gồm 2 bài tứ quân và tử vật song bổ khí huyết gia quế nhục, hoàng kỳ ông chưng khí huyết. Trên lâm sàng thường dùng trị chứng khí huyết đều hư có các triệu chứng như sắc mặt tái nhợt, chân tay yếu mỏi, mát lạnh. Trường hợp bệnh nhân chán ăn bỏ thục địa, gia sa nhân, đậu khaausd; ngực bụng đầy gia trần bì, mộc hương; thân mình và tứ chi mát lạnh gia lượng nhục quế.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc có tác dụng tăng miễn dịch của cơ thể, gia tăng số lượng kháng thể đặc hiệu, hoạt hóa bổ thể, kích hoạt cự bào và có tác dụng trực tiếp kháng tế bào ung thư. Ngoài ra bài thuốc còn có tác dụng tăng cường hiệu quả kháng ung thư của hóa liệu, giảm thiểu độc tính của thuốc hóa trị, làm giảm tác dụng phụ của hóa trị và xạ trị.

BÁT TRÂN THANG

(Minh - Chính thể loại yếu) chế thành hoàn gọi là Bát trân hoàn

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, bạch thược, thục địa, nhân sâm, bạch truật, phục linh đều 10g, xuyên khung, chích cam thảo đều 5g, sinh khương 3g, đại táo 3 quả. Sắc nước uống hoặc làm hoàn, mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 2-3 lần với nước sôi ấm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ khí ích huyết. Chủ trị các chứng khí huyết hư, sắc mặt tái nhợt hoặc vàng bủng, hoa mắt, chóng mặt chân tay mệt mỏi, hụt hơi lười nói, hồi hộp, bồn chồn, ăn kém chất lưỡi nhạt, rêu trắng mỏng, mạch tế nhược hoặc hư đại vô lực.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

1. Trị chứng giảm bạch cầu do hóa trị, xạ trị: Bài thuốc gia giảm trị 42 ca, toàn bộ bệnh nhân đều có số lượng bạch cầu tăng rõ rệt. *(Tạp chí Trung Y Hồ Nam, số tháng 4-1989).*

2. Viêm teo dạ dày mạn tính: Dùng bài thuốc gia giảm trị 54 ca. Tỷ lệ có kết quả đạt 98,15%. *(Báo Trung Y Hà Bắc, số tháng 6-1987).*

3. Trị sẩy thai liên tiếp: Bài thuốc gia giảm trị 38 ca. Kết quả khỏi toàn bộ. *(Báo Trung Y Dược Phúc Kiến, số tháng 10-1960).*

4. Chứng tý: Dùng bài thuốc gia giảm trị 1 ca chứng tý đau các khớp chân tay đã 3 năm, đau nhất là các khớp chân. Kết quả sau khi uống 5 thang, đau giảm rõ, uống thêm 7 thang các khớp 2 tay hết đau, uống tiếp 14 thang, tất cả các khớp đều hết đau. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 11-1987).*

5. Trị rụng tóc: Bài thuốc gia hà thủ ô, nữ trịnh tử trị 1 ca rụng tóc hình vòng đang lan dần, mày cũng rụng. Kết quả sau khi uống 15 thang, tóc đã bắt đầu mọc dần, theo dõi 1 năm không thấy tái phát. *(Báo Trung Y Dược Triết Giang, số tháng 3-1979).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng khí huyết hư. Bài tứ quân ích khí kiện tỳ, bài tử vật bổ huyết điều huyết. Trên lâm sàng dùng trị chứng sắc mặt tái nhợt hoặc vàng bủng, hoa mắt váng đầu, chân tay mệt mỏi, hụt hơi ít nói, sắc lưỡi nhợt, rêu trắng mỏng, mạch tế nhược hoặc hư đại vô lực. Trên lâm sàng nếu khí hư nặng tăng liều nhân sâm hoặc gia hoàn kỳ huyết hư nặng gia thủ ô; ăn kém gia trần bì, sa nhân.

Những bài thuốc cùng tên

Bát trân thang (*Đan Khê tâm pháp),* tức bài này bỏ bạch truật gia sa nhân có tác dụng và chủ trị cũng như bài này.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Bài thuốc có tác dụng nâng cao tính miễn dịch của cơ thể làm tăng nhanh sự trưởng thành của tế bào hồng cầu non, làm tăng nhanh sự hồi phục của huyết áp và tăng lực của cơ thể.

NHÂN SÂM DƯỠNG VINH THANG

(Tống - Thái Bình Huệ Dân hòa tễ cục phương)

cũng gọi Nhân sâm dưỡng dinh thang, Dưỡng vinh thang (hoàn)

*** Thành phần và tác dụng:**

Bạch thược, nhân sâm, đương qui, bạch truật, thục địa đều 9g, trần bì, ngũ vị tử, viễn chí đều 6g, hoàng kỳ, phục linh đều 12g, quế tâm 3g, cam thảo 5g, sinh khương 2 lát, đại táo 3 quả. Sắc nước uống hoặc làm hoàn mỗi lần 9g, ngày uống 2 - 3 lần với nước sôi ấm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí bổ huyết, dưỡng huyết an thần. Chủ trị chứng tỳ phế khí hư, dinh huyết bất túc, mệt mỏi, chán ăn hụt hơi, hồi hộp hay quên, đêm ngủ không yên, họng khô môi táo, tóc rụng, nhọt loét khó lành, miệng, lưỡi bệu nhạt, mạch hư nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng trị các chứng bệnh thiếu máu, hay quên, hồi hộp mất ngủ, viêm tủy mạn tính (suy tủy), viêm loét khó lành miệng, rụng tóc, huyết áp thấp, viêm gan mạn tính, trẻ em hiếu động, chán ăn, trí não phát triển chậm....

1. Trị chứng thiếu máu: Dùng bài thuốc trị 2 ca. Kết quả sau khi uống thuốc 12-34 thang, huyết sắc tố, tế bào hồng cầu đều hồi phục bình thường, hết các triệu chứng lâm sàng. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 1-1985).*

2. Trị rụng tóc: Bài này bỏ trần bì, viễn chí gia ma hoàng căn (rễ ma hoàng) trị 1 bệnh nhân mất máu sau sanh, tóc rụng dần, sốt âm ỉ đã 3 tháng. Kết quả sau khi uống thuốc 10 thang hết sốt, uống 20 thang bắt đầu mọc tóc, có mọc tóc bạc tơ trắng, sau 30 thang tóc mọc ở gáy, uống thêm 60 thang bệnh khỏi. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 5-1985).*

3. Trị trẻ em chán ăn, hiếu động, trí lực phát triển chậm. Bài thuốc làm hoàn trị hơn 100 trẻ, kết quả đều tốt. Thời gian uống thuốc từ 2 đến 6 tháng. *(Báo Trung Y Dược Tân Cương số tháng 1-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc này chủ yếu dùng trị chứng phế tỳ lưỡng hư, khí huyết bất túc, tinh thần bất an. Bài thuốc do bát trân thang gia giảm mà thành; tính năng bổ được 3 tạng tỳ phế tâm, dưỡng được khí huyết thần, vừa có ích khí sinh huyết lại vừa ninh tâm an thần. Trên lâm sàng dùng trị chứng dinh huyết bất túc, hồi hộp hay quên, ngủ không yên giấc, lưỡi bệu tái, mạch hư nhược. Trường hợp dinh huyết tổn thương nặng giảm lượng quế tâm hoặc không dùng; Tỳ thấp thịnh, bỏ thục địa hoặc gia sa nhân, bạch đậu khấu để tỉnh tỳ.

Những bài thuốc cùng tên

1. Nhân sâm dưỡng vinh thang (*Phổ tế phương)* có nhân sâm, sinh địa, mạch môn đông, thạch liên nhục, phục thần ngũ vị tử, sơn dược, cảm thảo, viên chí, có tác dụng ích khí dưỡng âm ninh tâm an thần, chủ trị chứng tâm tỳ âm hư, tâm thần bất an, ngủ nhiều mộng.

2. Nhân sâm dưỡng vinh thang *(Đậu chẩn truyền tâm lục)* gồm nhân sâm, bạch truật, hoàng kỳ, bạch thược, cam thảo, đương qui, trần bì, mạch đông, thăng ma, viễn chí, quế tâm, ngũ vị tử, có tác dụng thanh dưỡng phế âm ích khí bổ huyết, chủ trị chứng đậu sang đã vỡ khó lành miệng, cơ thể hao gầy, mệt mỏi.

3. Nhân sâm dưỡng vinh thang *(Thọ thế bảo nguyên)* có thục địa, mạch môn, bạch thược, ngũ vị tử, hoàng bá, viễn chí, trần bì, nhân sâm, bạch truật, phục linh, qui thân, xuyên khung, có tác dụng ích khí dưỡng huyết tư âm thanh giáng, chủ trị chứng khí huyết hư dư độc không hết sau khi mắc bệnh ngoại cảm.

4. Nhân sâm dưỡng vinh thang *(ôn dịch luận bổ chú)* gồm có nhân sâm, mạch đông, ngũ vị tử, địa hoàng, qui thân, bạch thược, tri mẫu, trần bì, cam thảo có tác dụng ích khí dưỡng âm, tư nhuận thanh tà chủ trị chứng thương âm và khí huyết hư tổn sau khi dùng phép hạ.

QUI TỲ THANG

(Tống - Tế sinh phương) làm hoàn cũng có tên Quy tỳ hoàn, Nhân sâm quy tỳ hoàn

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, bạch truật, hoàng kỳ, phục thần, long nhãn nhục, toan táo nhân đều 10g, mộc hương 5g, chích cam thảo 5g. Các vị thuốc đều tán bột thô, mỗi lần 12g gia sinh khương 5 lát, đại táo 1 quả sắc uống. Hiện thường dùng thuốc sắc, thuốc hoàn, mỗi lần uống 6-9g, ngày uống 2-3 lần.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí bổ huyết kiện tỳ dưỡng tâm. Chủ trị chứng tâm tỳ lưỡng hư, khí huyết bất túc, tâm quí chính xung, kiện vong thất miên, ngủ nhiều mộng dễ kinh, ăn ít người mệt, sắc mặt vàng bủng, phụ nữ kinh sớm lượng nhiều sắc nhạt hoặc ri rỉ không dứt, chất lưỡi tái nhạt, rêu trắng mỏng, mạch tế nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng thường dùng trị các chứng sau:

1. Suy nhược thần kinh: Bài thuốc gia giảm trị 726 ca. Kết quả khỏi 16 ca, tiến bộ nhiều 347 ca, có kết quả 204 ca, không kết quả 159 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 30 ngày, dài nhất 40 ngày. Số trị theo dõi sau 1 năm không tái phát. *(Báo Tân Trung Y Dược số tháng 3-1958).* Một báo cáo khác dùng thuốc làm hoàn trị 100 ca. Kết quả tốt 19 ca, có kết quả 72 ca, không kết quả 9 ca. *(Tạp chí Y Học Trung Hoa, số tháng 10-1958).*

2. Chứng băng lậu: Bài thuốc gia giảm trị 46 ca. Kết quả khỏi 31 ca, tốt 6 ca, có kết quả 5 ca, không kết quả 4 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 5 ngày, dài nhất 35 ngày. Số trị khỏi theo dõi 3 năm không có tái phát. *(Học Báo Nam Kinh Trung Y Học Viện, số tháng 2-1988).*

3. Chứng xuất huyết do giảm tiểu cầu: Bài thuốc gia giảm trị 19 ca. Kết quả khỏi 11 ca, có kết quả 7 ca, không kết quả 1 ca. *(Báo Y học tham khảo, số tháng 2-1975).*

4. Chứng thiếu máu do suy tủy: Bài thuốc gia giảm trị 3 ca thiếu máu do suy tủy. Kết quả toàn bộ đều khỏi. *(Báo Trung Y Dược Hắc Long Giang, số tháng 2-1990).* Còn dùng trị 19 ca thiếu máu do thiếu chất sắt. Kết quả tốt 4 ca, có kết quả 11 ca, không kết quả 4 ca. *(Báo Nghiên cứu Trung Thành Dược, số tháng 5-1987).*

5. Tử cung xuất huyết cơ năng: Bài thuốc gia giảm trị 5 ca. Kết quả toàn bộ đều tốt. *(Học Báo Học Viện Y Học Tây An, số tháng 8-1959).*

6. Trị chứng bạch huyết cầu giảm: Bài thuốc gia giảm trị 3 ca. Kết quả toàn bộ khỏi. *(Báo Tân Y Dược Thiểm Tây, số tháng 9-1979).*

7. Trị chứng mất ngủ: Bài thuốc gia giảm trị 5 ca. Kết quả sau khi uống 3-5 thang toàn bộ đều có kết ẩu. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 2-1955).*

8. Loét dạ dày tá tràng: Bài thuốc gia giảm trị 60 ca đều được qua kiểm tra X quang xác định chẩn đoán. Kết quả khỏi 48 ca, có kết quả 12 ca. Số khỏi đều được qua 2 lần kiểm tra X quang kết quả bình thường. Theo dõi sau 1 năm chỉ có 1 ca tái phát. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang số tháng 2-1991).*

9. Di chứng do chấn thương sọ não: Bài thuốc gia giảm trị 88 ca. Kết quả khỏi 41 ca, tốt 30 ca, có kết quả 17 ca *(Tạp chí Tân Y Dược Học, số tháng 3-1977).*

10. Trị rụng tóc: Bài thuốc gia giảm trị 30 ca bao gồm rụng từng đám, rụng trọc lóc, rụng do dịch nhầy. Kết quả khỏi 16 ca, có kết quả 10 ca, không kết quả 4 ca. *(Tạp chí Trung Y Vân Nam, số tháng 2-1985).*

11. Phù không đặc hiệu: Dùng qui tỳ toàn hợp lục vị địa hoàng hoàn trị 31 ca. Kết quả khỏi 28 ca, có kết quả 3 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 30 ngày, dài nhất 90 ngày. *(Báo Trung Y Dược Quảng Tây, số tháng 5-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng tâm tỳ lưỡng hư, khí huyết bất túc. Trong bài nhân sâm, bạch truật, cam thảo, hoàng kỳ ích khí kiện tỳ, phục thần, toan táo

nhân, long nhãn nhục dưỡng huyết bổ tâm an thần. Trên lâm sàng dùng trị các chứng hồi hộp bồn chồn (tâm quí, chính xung), mất ngủ hay quên (thất miên kiện vong), sắc mặt vàng bủng, chất lưỡi tái nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch tế nhược.

Trường hợp kinh nguyệt kéo dài không dứt gia sơn thù nhục, ngũ vị tử để dưỡng can thu sáp chỉ huyết; trường hợp huyết băng có hàn, gia ngãi diệp, bào khương, huyết dư than (tóc cháy) để ôn trung chỉ huyết; trường hợp mất ngủ nặng gia từ thạch, long cốt để an thần.

Những bài thuốc cùng tên

Qui tỳ thang *(Phụ nhân lương phương)* là bài này gia đương qui, viễn chí, có tác dụng như nhau.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Chứng minh bài thuố có tác dụng cải thiện trạng thái choáng của thỏ nhà do bỏng nước sôi về các mặt huyết áp, hô hấp, đường huyết.

ĐƯƠNG QUI BỔ HUYẾT THANG

(Nguyên - Lan thất bí tàng)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng kỳ 30g, đương qui 6g. Tất cả tán bột thô sắc uống. Hiện làm thuốc phiến sắc dùng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ khí sinh huyết. Chủ trị các chứng: nội thương mệt mỏi, nguyên khí hư nhược, cơ nhiệt mặt đỏ, phiền khát muốn uống nước, phụ nữ thời kỳ có kinh và sau sanh huyết hư người sốt, đau đầu, ung nhọt loét lâu ngày khó lành, mạch hồng đại hư, trọng án vô lực.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng thường dùng trị các chứng bệnh như chứng xuất huyết do giảm tiểu cầu, chứng bạch cầu giảm, bế kinh, băng lậu, nhọt lở loét lâu lành, chứng tý, sau sánh táo bón, viêm võng mạc thị, huyết niệu, ho suyễn...

1. Chứng xuất huyết do giảm tiểu cầu: Bài thuốc gia giảm trị 24 ca. Kết quả khỏi 7 ca, tốt 12 ca, có kết quả 5 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 42 ngày, dài nhất là 115 ngày. Số điều trị khỏi được theo dõi 1 năm không tái phát. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 5-1984).*

2. Chứng giảm bạch cầu: Bài thuốc gia giảm trị 20 ca. Kết quả sau khi uống 14-21 thang, tốt 8 ca, có kết quả 11 ca, không kết quả 1 ca. *(Học Báo Trung Y Học Viện An Huy, số tháng 3-1987).*

3. Chứng tý: Bài thuốc gia giảm trị 51 ca gồm hành tý 15 ca, trước tý 12 ca, nhiệt tý 5 ca, thống tý 19 ca. Kết quả trị khỏi 36 ca, có kết quả 10, không kết quả 5 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất 10 ngày, dài nhất 45 ngày. *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 1-1986).*

4. Táo bón sau sanh: Dùng bài thuốc gia vị trị 19 ca. Kết quả sau khi uống 1-5 thang, toàn bộ đều khỏi. *(Báo Trung Y Dược Cát Lâm, số tháng 2-1989).*

5. Viêm loét miệng mạn tính: Dùng bài thuốc gia vị trị một bệnh nhân niêm mạc miệng phía má phải loét diện tích 2 x 1,5cm sắc nhợt, lâu không lành miệng. Kết quả uống thuốc 5 thang khỏi. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 10-1986).*

6. Kinh bế (Tắt kinh): Dùng bài thuốc gia vị trị một bệnh nhân tắt kinh đã 6 tháng kèm váng đầu, bụng dưới đau trụy, đau vùng thắt lưng, bứt rứt hay quên. Kết quả uống thuốc 6 thang có kinh lại nhưng lượng ít sắc sẫm, bụng dưới đau 2 ngày hết, uống thêm 9 thang cách nhật, sau đó kinh đến đều. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 2-1989).*

7. Viêm quanh khớp vai: Dùng bài thuốc gia vị trị một bệnh nhân đau vai đã 8 năm, hai vai đau nhức tê dại, giơ tay khó. Kết quả uống thuốc 18 thang bệnh nhân khỏi, theo dõi 1 năm không tái phát. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 1-1989).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng khí huyết lưỡng hư. Trong bài dùng hoàng kỳ đại bổ phế tỳ khí là nguồn gốc sinh huyết, hợp đương qui dưỡng huyết hòa dinh, khiến cho dương sinh âm trưởng, khí thịnh huyết sinh. Trường hợp khí hư nặng gia thêm nhân sâm, bạch truật; huyết hư nặng gia thục địa, kỷ tử; âm hư gia sinh địa, mạch đông; dương hư gia thỏ ti tử, bổ cốt chỉ.

Những bài thuốc cùng tên

1. Đương qui bổ huyết thang. *(Vạn bệnh hồi xuân)* gồm đương qui, thược dược, sinh địa, thục địa, nhân sâm, bạch truật, phục linh, trần bì, mạch đông, thần sa, cam thảo, sơn chi, ô mai, gạo sao, đại táo. Có tác dụng bổ huyết ích khí, kiện tỳ an thần; chủ trị chứng tâm quí, chính xung thất miên kiện vong, sắc mặt kém tươi nhuận, tinh thần mệt mỏi, chán ăn.

2. Đương qui bổ huyết thang *(thẩm thị dao hàm)* gồm sinh địa, mạch đông, xuyên khung, ngưu tất, bạch thược, chích thảo, bạch truật, phòng phong, thục địa, đương qui. Có tác dụng dưỡng huyết tư âm, chủ trị nam giới nục huyết, tiện huyết, nữ giới băng lậu, sau sanh băng lậu, ra máu quá nhiều, tròng mắt đau không nhìn được.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Trên thực nghiệm, bài thuốc có tác dụng nâng cao chức năng miễn dịch tế bào của chuột nhắt, có tác dụng đối kháng với chất ức chế miễn dịch, tăng cường khả năng thực bào của cự bào, tăng tính miễn dịch tế bào và tính miễn dịch không đặc hiệu của cơ thể.

ĐẠI BỔ NGUYÊN TIỄN

(Minh - Cảnh Nhạc toàn thư)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm 15g, sơn được, đỗ trọng, thục địa, đương qui, kỷ tử, sơn thù đều 9g, chích thảo 6g, sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí dưỡng huyết, song bổ can thận. Chủ trị chứng khí huyết lưỡng hư, tinh thần suy sụp, thắt lưng đau mỏi, ù tai, chân tay lạnh ra mồ hôi, hồi hộp khó thở, mạch vi tế.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Trên lâm sàng thường dùng trị các chứng như hội chứng thận hư, lao phổi, hen suyễn, viêm phế quản mạn tính, chảy máu mũi, động kinh, chứng huyết trắng, vô sinh...

1. Trị hội chứng thận hư nguyên phát: Bài thuốc gia giảm trị 30 ca. Kết quả tốt 26 ca, có kết quả 4 ca. Thời gian uống thuốc ngắn nhất là 6 tháng và dài nhất là 1 năm. *(Học Báo Học Viện Trung Y Triết Giang, số tháng 4-1990).*

2. Trị chảy máu mũi: Dùng bài thuốc gia giảm trị 1 ca chảy máu mũi đã 12 năm ngày càng nặng hơn. Mỗi lần rửa mặt hắt hơi, nói cười to là máu mũi chảy, váng đầu, ù tai, hoa mắt, mỏi lưng sốt chiều. Kết quả uống thuốc 5 thang, các chứng đều giảm, uống tiếp 12 thang bệnh khỏi, theo dõi 4 năm không tái phát. *(Học Báo Trung Y Học Viện Thành Đô, số tháng 3-1990).*

3. Chứng huyết trắng: Dùng bài thuốc gia giảm trị một ca sau khi lao động mệt nhiều là huyết trắng ra không dứt, lượng nhiều loãng không hôi, tinh thần mệt mỏi, tai ù lưng đau. Kết quả uống 5 thang, huyết trắng giảm nhiều, ăn ngon hơn, uống thêm 14 thang bệnh khỏi. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 11-1989).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng khí huyết hư tổn, can thận bất túc. Trong bài, nhân sâm, sơn dược kiện tỳ ích khí, phối hợp với đương qui, kỷ tử, thục địa, sơn thù tư dưỡng can thận. Trường hợp âm hư nặng, gia qui bản, miết giáp, hạn liên thảo; dương hư nhiều gia ba kích, nhục thung dung; chán ăn gia thần khúc, sa nhân, cốc nha, mạch nha....

THỦ Ô DIỄN THỌ HOÀN

(Thanh - Thế bổ trai y thư) Cũng gọi là Diên thọ đơn

*** Thành phần và cách dùng:**

Chế hà thủ ô (cùng chưng chín với đỗ đen) 2160g, hy thiêm thảo, tang thầm tử, mè đen, kim anh tử, hạn liên thảo, thố ti tử đều 300g, đỗ trọng, ngưu tất, nữ trinh tử, tang diệp đều 150g, kim ngân đằng, sinh địa hoàng đều 75g. Tất cả tán bột mịn luyện làm hoàn. Mỗi lần uống 10g, ngày uống 2 lần với nước sôi ấm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ ích can thận, tư dưỡng tinh huyết. Chủ trị chứng can thận bất túc, váng đầu, hoa mắt ù tai, nặng tai, chân tay tê mỏi lưng gối yếu, tiểu đêm, râu tóc bạc sớm.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Điều trị chứng chuyết áp cao, suy vỏ tuyến thượng thận, suy nhược thần kinh, hội chứng mãn kinh, râu tóc bạc sớm, suy dục tính.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng can thận hư suy, tinh huyết bất túc, lão suy sớm. Trong bài, thủ ô, nữ trinh tử, tang thầm tử, mè đen, dưỡng can thận, ích tinh tủy, tráng cân cốt, làm đen tóc râu, thố ti tử trợ dương để sinh âm, hy thiêm thảo, kim ngân đằng khư phong thấp trừ nhiệt tà, thư cân hoạt lạc. Chỉ định của bài thuốc là trị chứng váng đầu hoa mắt, ù tai, lưng gối đau mỏi, râu tóc bạc sớm. Lúc dùng thuốc thang trên lâm sàng, trường hợp can thận bất túc âm hư dương kháng, gia thiên ma, câu đằng, mẫu lệ; tinh huyết hư suy, tâm thần bất an gia toan táo nhân, viễn chí; tiểu đêm nhiều gia khiếm thực, ngũ bội tử.

Chống chỉ định: Tỳ vị hư nhược, ăn kém tiêu lỏng không nên dùng.

Những bài thuốc cùng tên

1. Diên thọ đơn (Thánh tế tổng lục) gồm chu sa, bột chì, bột sắt, bạch phụ tử, xà hoàng, phụ tử, ba đậu, sinh kim, sinh ngân, xạ hương, ngưu hoàng, khương

hoạt, ngư tất, sao yết vĩ, sinh nam tinh. Có tác dụng trấn kinh, khư phong, hóa đàm, chủ trị chứng trúng phong, động kinh, khẩu nhãn oa tà, cấm khẩu.

2. Diên thọ đơn (Nghiệm phương tân biên) có bạch truật, thanh bì, sinh địa hoàng, hậu phác, đỗ trọng, bổ cốt chi, trần bì, thanh diêm, xuyên tiêu, ba kích thiên, tiểu hồi hương, phục linh, nhục thung dung, hắc đậu. Có tác dụng điền tinh bổ tủy kiện tỳ dưỡng vị. Làm khỏe người, đen râu tóc. Chủ trị chứng ăn ít, cơ thể suy nhược, râu tóc bạc sớm, tai mắt nghe nhìn kém, bệnh trĩ lậu sang độc, phụ nhân xích bạch đới, thai động bất an.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Trên thực nghiệm súc vật, bài này có tác dụng hạ cholesterol, huyết thanh trên súc vật xơ vữa động mạch, giảm nhẹ độ lắng những mảng xơ vữa.

CỬU CHUYỂN HOÀNG TINH ĐƠN

(Thanh - Nội đình pháp chế hoàn tán cao đơn các dược phối bản) cũng gọi là Hoàng tinh hoàn

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng tinh, đương qui. Các vị thuốc lượng bằng nhau, ngâm rượu rồi chưng đem phơi khô tán thành bột mịn, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 6-9g, ngày 2-3 lần với nước sôi ấm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Tư bổ tinh huyết. Chủ trị chứng cơ thể hư, sắc mặt vàng gầy, váng đầu chóng mặt, ăn ít hoặc chóng đói, tinh thần mệt mỏi.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dừng trị người già cơ thể suy nhược, thiếu máu, viêm gan B, xơ gan, tắc mạch não.....ví dụ như:

1. *Trẻ em thiếu máu suy dinh dưỡng:* Bài thuốc gia bạch thược thục địa chế thành sirô trị 100 ca. Kết quả đều tốt. Hệ tế bào võng tăng rõ. *(Báo Y Học Bắc Kinh, số tháng 5-1983).*

2. *Viêm gan siêu vi B:* Bài thuốc gia giảm trị 81 ca. Kết quả khỏi 21 ca, chuyển biến tốt 34 ca, không khỏi 26 ca. *(Tạp chí Trung Y Giang Tô, số tháng 10-1985).*

3. *Xơ gan sớm:* Bài thuốc gia hoàng cầm, đơn sâm, kê nội kim, bản lam căn, liên kiều, bại tương thảo, bạch truật, phục linh, uất kim, nữ trinh tử, tử hà xa bài thuốc cơ bản trị 105 ca. Trường hợp can đởm thấp nhiệt bỏ hoàng kỳ, tử hà xa, gia nhân trần, bồ công anh; tỳ hư thấp thịnh bỏ lại tương thảo, gia thương truật, ích trí nhân, khí huyết lưỡng căn hư gia đảng sâm, a giao hoặc nhân sâm; can huyết ứ tích gia miết giáp, sâm tam thất, thổ miết trùng, trạch lan diệp; can thận âm hư bỏ hoàng kỳ, tử hà xa gia sa sâm, đơn bì, tỳ thận dương hư gia dâm dương hoắc, lục giác

sương, tang ký sinh, thỏ ti tử. Kết quả khỏi lâm sàng 45 ca, tốt 31 ca, có kết quả 19 cam, không kết quả 10 ca. *(Báo Tân Trung Y, số tháng 8-1983).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Chủ yếu dùng trị chứng tinh huyết hư tổn. Trong bài, hoàng tinh ích khí tư âm hợp đương qui dưỡng huyết. Trên lâm sàng dùng trị chứng người gầy mặt vàng, tinh thần mệt mỏi, đại tiện táo kết. Không nên dùng với chứng dương hư nội hàn, đại tiện lỏng, đàm thấp thịnh.

THƯ DỰ HOÀN

(Hán - Kim quĩ yếu lược) cũng gọi Đại sơn dự hoàn

*** Thành phần và cách dùng:**

Thự dự (hoài sơn) 300g, đương qui, quế chi, thần khúc, đại đậu hoàng quyên đều 100g, can địa hoàng 120g, cam thảo 280g, nhân sâm, a giao đều 70g, xuyên khung, bạch truật, bạch thược, mạch môn, phòng phong, hạnh nhân đều 60g, sài hồ, cát cánh, phục linh đều 50g, can khương 30g, bạch liễm 20g, đại táo 100 quả. Các vị thuốc đều tán thành bột mịn luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống nuốt 6-9g, ngày uống 1-2 lần, uống với rượu hoặc nước sôi ấm. Có thể dùng làm thuốc thang sắc uống, liều giảm theo liều thường dùng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ ích tỳ vị, sinh hóa khí huyết, trừ phong tà. Chủ trị chứng hư lao bất túc, váng đầu hoa mắt, người nặng nề, hụt hơi, gầy yếu, chán ăn, các khớp đau nhức.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng lao phổi, dễ cảm mạo, vết thương ngoại khoa khó lành, viêm đa khớp dạng thấp, mề đay mạn tính, đục thủy tinh thể, loét hành tá tràng. Một số thí dụ như sau:

1. Lao hang phổi: Bài thuốc bỏ quế chi, xuyên khung, can khương gia trắc bá diệp, tiên hạc thảo trị 1 ca lao hang mắc bệnh hơn 20 năm; 2 tuần gần đây ho ra máu, khó thở chán ăn. Chụp X quang phát hiện phần trên 2 lá phổi có 3 hình hang lao. Kết quả sau khi uống 15 thang thuốc sắc hết ho ra máu, bệnh tình tốt hơn, sau đó tiếp uống thuốc hoàn 3 tháng, các triệu chứng lâm sàng hết, theo dõi 2 năm không tái phát. Kiểm tra X quang cả 2 phổi đều lốm đốm có những điểm canxi hóa, phía trên ngoài phổi phải có 2 hang kín vách dày. *(Báo Trung Y Hà Nam, số tháng 3-1988).*

2. *Loét hành tá tràng người cao tuổi:* Dùng bài thuốc bỏ đại táo, đại đậu hoàng nguyên, địa hoàng, thần khúc gia hoàng cầm, bán hạ, trị 1 bệnh nhân mắc

bệnh đã 3 năm, kèm theo bụng trên đau, hoa mắt chóng mặt, mệt mỏi, lưng gối lạnh đau. Kết quả uống hết 15 thang, bụng đau giảm, tiếp uống thêm 70 thang, ăn thấy ngon nhiều, thể lực hồi phục; uống thêm 30 thang khỏi bệnh. Soi hành tá tràng hết vết loét. *(Tạp chí Trung Y Sơn Đông, số tháng 6-1987).*

3. Chấn thương ngoại khoa lâu ngày không khỏi: Dùng thuốc viên điều trị 1 bệnh nhân bị vết thương dao chém ở ngón trỏ bàn tay trái chảy nước vàng 6 tháng chưa khỏi. Kết quả uống thuốc 30 ngày vết thương lành, ngón tay hoạt động như thường. *(Học Báo Học Viện Trung Y Quí Dương, số tháng 4-1987).*

4. Viêm đa khớp dạng thấp: Dùng thuốc hoàn trị 1 bệnh nhân các khớp ngón tay sưng đau hoạt động khó khăn kèm theo toàn thân mỏi mệt đã hơn 2 năm. Kết quả sau khi dùng thuốc hoàn 100 ngày, giảm đau rõ rệt, uống tiếp bệnh khỏi, theo dõi 1 năm không tái phát. *(Báo Trung Y Hà Nam, số tháng 3-1988).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng hư lao cảm bệnh ngoại tà. Trong bài dùng hoài sơn bổ dưỡng tỳ vị, hợp bài hát trân thang bổ dưỡng khí huyết để trừ hư lao là chính, thêm quế chi, sài hồ, phòng phong để sơ tán ngoại tà. Ý nghĩa là bổ chính để khu tà.

Trên lâm sàng chủ yếu dùng bài thuốc trị chứng hư nhược hoa mắt chóng mặt lâu ngày, dễ mắc bệnh ngoại cảm hoặc kiêm biểu chứng các khớp đau nhức. Trường hợp dinh huyết hư suy nhiều, bỏ quế chi, can khương; phong tà không rõ cũng bỏ quế chi, phòng phong, cát cánh.

Những bài thuốc cùng tên

1. Thự dự hoàn *(Ngoại đài bí yếu):* gồm hoài sơn, ngư tất, thỏ ti tử, đỗ trọng, trạch tả, xích thạch chỉ, can địa hoàng, sơn thù du, ba kích, phục linh, thạch cao, bạch mã kinh, nhục thung dung, ngũ vị tử, viễn chí, bá tử nhân; có tác dụng bổ ích thận khí, kiện tỳ dưỡng tâm, chủ trị ngũ lao thất thương, mục huyền kinh quí...

2. Thự dự hoàn *(Thái bình Thánh huệ phương)* gồm can thục địa hoàng, quế tâm, phụ tử, nhân sâm, thạch hộc, nhục thung dung, lộc nhung, phục linh, thỏ ti tử, từ thạch, thiên môn đông; có tác dụng ôn bổ thận dương; chủ trị chứng thận khí bất túc, cơ thể suy nhược, lưng chân yếu mỏi.

ÔN KÊ BẠCH PHƯỢNG HOÀNG

(Cận đại - Trung dược chế tễ thủ sách)

cũng gọi là Ô kê hoàn, Bạch phượng hoàn

*** Thành phần và cách dùng:**

Gà ác 640g (gà quạ) làm thật sạch mua ở chợ cho tiện, thục địa 250g, đương qui 144g, nhân sâm, lộc giác giao, bạch thược, hương phụ (dấm chế), sơn dược, đơn sâm đều 128g, miết giáp (dấm chế), mạch môn đông, xuyên khung, khiếm thực (mạch sao) đều 64g, tang phiêu tiêu,mẫu lệ nung, lộc giác sương đều 48g, hoàng kỳ, cam thảo đều 32g, ngân sài hồ 20g. Tất cả tán thành bột mịn luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn nặng 9g, mỗi lần uống 1 hoàn, ngày uống 2 lần với nước sôi ấm.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí dưỡng huyết, điều kinh chỉ đới. Chủ trị phụ nữ cơ thể hư nhược, kinh nguyệt không đều, đau kinh, băng lậu đới hạ, thắt lưng chân đau nhức.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng trị chứng kinh nguyệt không đều, băng lậu đái hạ, trị chứng suy tủy, chứng giảm tiểu cầu, tuổi dậy thì tử cung xuất huyết cơ năng do không rụng trứng, tai ù thần kinh cơ năng, viêm gan mạn tính, tuyến tiền liệt tăng sinh. Một số thí dụ như sau:

1. *Viêm gan mạn tính:* Đã dùng bài thuốc này điều trị 158 ca. Kết quả có kết quả đạt tỷ lệ 72% trong đó viêm gan mạn tính hoạt động 58 ca có kết quả 45 ca (so với lô đối chứng dùng Trung thảo dược 10 ca chỉ 2 ca có kết quả. *(Báo Trung Thảo Dược, số tháng 4-1983).*

2. Thiếu máu do suy tủy: Dùng bài thuốc trị 8 ca. Kết quả ổn định 3 ca, tiến bộ rõ 4 ca, không kết quả 1 ca. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 3-1983).*

3. Chứng giảm tiểu cầu: Dùng bài thuốc trị 22 ca. Kết quả rõ rệt 8 ca, có kết quả 10 ca, không kết qủa 4 ca. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết Hợp, số tháng 2-1987).*

4. Tuổi dậy thì xuất huyết cơ năng do không rụng trứng: Bài này hợp với đương qui cao trị 25 ca gồm khí huyết lưỡng hư 15 ca, âm hư nội nhiệt 10 ca. Kết quả uống thuốc đến kỳ kinh lần thứ 2 bắt đầu có hiệu quả, sau kỳ kinh lần thứ 5 có hiệu quả rõ rệt 12 ca, chuyển biến tốt 8 ca, không kết quả 5 ca. Tỷ lệ có hiệu quả tăng theo thời gian uống thuốc. *(Tạp chí Trung Y, số tháng 2-1984).*

5. Chứng đau kinh: Dùng trị 90 ca gồm nguyên phát 39 ca thứ phát 51 ca. Kết quả tốt 45 ca, có kết quả 26 ca, không kết quả 19 ca. *(Báo Trung Thảo Dược, số tháng 7-1983).*

6. Sau sanh nước ối ra không dứt và xuất huyết sau phẫu thuật: Trị 24 ca. Kết quả tốt 9 ca, có kết quả 9 ca, không kết quả 6 ca. *(Báo Trung Thảo Dược, số tháng 7-1983).*

7. Rối loạn kinh nguyệt: Đã trị 18 ca. Kết quả tốt 6 ca, có kết quả 9 ca, không kết quả 3 ca. *(Báo Trung Thảo Dược, số tháng 7-1983).*

8. Tuyến tiền liệt tăng sinh: Đã dùng thuốc viên uống với nước muối nhạt. Kết quả hết triệu chứng lâm sàng. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 12-1989).*

9. Ù tai do rối loạn thần kinh: Dùng bài thuốc trị bệnh nhân ù tai hơn 10 năm. Kết quả bệnh nhân uống 20 viên khỏi. *(Báo Thiểm Tây Trung Y, số tháng 6-1987).*

10. Tiểu nhiều lần, tiểu gấp: Bệnh nhân sau khi được dùng thuốc bệnh thuyên giảm rõ. *(Báo Trung Y Thiểm Tây, số tháng 10-1987)*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị bệnh phụ khoa hư nhược. Trong bài, ô kê, nhân sâm, đương qui, thục địa, lộc giác giao bổ ích hư tổn, dùng với đương qui, bạch thược, đơn sâm, hoạt huyết điều kinh, khiếm thực, tang phiêu tiêu, mẫu lệ thu liễm cổ sáp, đó là đặc điểm phối ngũ của bài thuốc. Trên lâm sàng bài thuốc dùng trị chứng rối loạn kinh nguyệt do khí huyết hư tổn, lưỡi sắc nhợt, rêu mỏng, mạch tế nhược. Không dùng cho phụ nữ đau kinh do ứ trệ.

Những bài thuốc cùng tên

1. Ô kê hoàn *(Thọ thế bảo nguyên):* gồm có hải kim sa, trắc bá diệp, hậu phác, đương qui, bạch thược, bạch truật, xuyên khung, thục địa, khương hoạt, phòng phong, hương phụ, nhân sâm, sa nhân, cam thảo, ô cốt, hùng kê, có tác dụng bổ khí dưỡng huyết lý khí điều kinh; chủ trị chứng phụ nữ huyết hải hư lạnh, kinh nguyệt không đều hoặc bụng dưới đau, hoặc chứng bạch đới kéo dài, sắc mặt vàng tái, chân tay hư yếu, hoa mắt chóng mặt.

2. Ô kê hoàn *(Phụ khoa ngọc xích):* gồm ô cốt hùng kê, sinh địa, thiên đông, mạch đông, đỗ trọng, đương qui, xuyên khung, bạch truật, đơn sâm, phục linh, bố cốt chi, nhân sâm, cam thảo, nhục thung dung, tiểu hồi hương, sa nhân, hương phụ; có tác dụng bổ khí dưỡng huyết, ích thân điều kinh; chủ trị chứng phụ nữ tỳ vị hư nhược, xung nhâm tổn thương, khí huyết bất túc, kinh nguyệt không điều hòa, không có con.

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại

Kết quả thực nghiệm chứng minh bài thuốc có tác dụng tăng sự đề kháng đối với các bệnh dịch lao, giúp cơ thể chịu đựng được môi trường thiếu dưỡng khí và có tác dụng như nội tiết tố sinh dục. Bài thuốc có tác dụng làm chậm nhịp tim, làm tăng lưu lượng máu của động mạch vành, làm giảm độ dính của máu và huyết tương, làm cân bằng sự cung cầu của dưỡng khí của bệnh nhân mắc bệnh động mạch vành. Ngoài ra, bài thuốc còn tăng cường tác dụng thực bào của hệ tế bào lưới của chuột bạch và tăng chức năng của tế bào miễn dịch.

Ở Việt Nam ta có bán Ô kê bạch phụng hoàn đã điều chế sẵn tại các hiệu thuốc Bắc.

THÁI SƠN BÀN THẠCH ẨM

(Minh - Cảnh Nhạc toàn thư)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, bạch truật, thục địa đều 10g, hoàng kỳ 15g, đương qui, tục đoạn đều 8g, hoàng cầm, bạch thược đều 6g, xuyên khung, sa nhân đều 3g, chích thảo, gạo nếp đều 5g. Sắc nước uống. Mỗi thang sắc 3 lần chia theo buổi sáng, trưa, tối, uống lúc bụng đói.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí kiện tỳ, dưỡng huyết an thai. Chủ trị phụ nữ có thai khí huyết lưỡng hư, hoặc có lần sẩy thai, sắc mặt tái nhợt, mệt mỏi, chán ăn, chất lưỡi nhợt, rêu trắng mỏng, mạch hoạt vô lực hoặc trầm nhược.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng dọa sẩy, sẩy thai nhiều lần, cũng dùng trị chứng thai nghén nôn nặng, chứng ban xuất huyết do giảm tiểu cầu...

1. Trị sẩy thai: Bài thuốc gia giảm đã dùng trị 104 ca gồm dọa sẩy 96 ca, sẩy thai liên tiếp 8 ca. Kết quả sanh thường đủ tháng 98 ca, không kết quả 6 ca. *(Tạp chí Trung Y Vân Nam, số tháng 6-1985).* Bài này gia trữ ma can, a giao trị 3 ca sẩy thai liên tiếp. Kết quả toàn bộ sanh thường đủ tháng. *(Học Báo Học Viện Trung Y Triết Giang, số tháng 6-1981).*

2. Thai nghén nôn nặng: Dùng bài thuốc điều trị 88 ca. Kết quả khỏi 85 ca, có kết quả 1 ca, không kết quả 2 ca. *(Báo Trung Y Dược Cát Lâm, số tháng 5-1990).*

3. Ban xuất huyết do giảm tiểu cầu: Dùng bài thuốc của giảm trị 1 bệnh nhân đã nhiều năm xuất hiện ban chảy máu dưới da tím xanh, chảy máu răng, kinh nguyệt kéo dài sắc nhạt lượng nhiều, gần đây do chấn thương ở vai phải sưng phù tím bầm. Kết quả sau khi uống 4 thang, chỗ da tím bầm sắc nhạt đi, uống tiếp 10

thang khỏi. Theo dõi một thời gian không thấy chảy máu tái phát. *(Báo Nghiên cứu Trung Thành Dược, số tháng 9-1985).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị các chứng thai động, chứng dọa sẩy, sẩy thai liên tiếp. Trong bài, nhân sâm, thục địa, hoàng kỳ, đương qui, bạch thược, xuyên khung, chích thảo, bổ sung khí huyết, phối hợp với tục đoạn, bạch truật, hoàng cầm an thai là đặc điểm phối ngũ chủ yếu của bài thuốc.

Trên lâm sàng có huyết nhiệt gia lượng hoàng cầm, cho thêm sinh địa, bạch mao căn; can thận âm hư gia hoàng tinh, nữ trinh tử; trường hợp hàn ngưng tại bào cung gia bào khương, phụ tử. Đối với trường hợp sẩy thai nhiều lần, uống thuốc từ lúc bắt đầu có thai, mỗi tuần 1-2 thang, liên tục trong 3-4 tháng.

THỌ THAI HOÀN

(Cận đại - Y học Trung trung tham tây lục)

*** Thành phần và cách dùng:**

Thỏ ti tử 120g, tục đoạn, tang ký sinh, a giao đều 60g. Ba loại thuốc đều tán bột mịn. A giao cho vào nước sôi hòa tan trộn với bột thuốc làm hoàn, mỗi hoàn nặng 0,3g. Mỗi lần uống 20 hoàn, mỗi ngày uống 20 hoàn với nước sôi nguội. Có thể làm thuốc thang sắc uống với liều lượng thuốc thường dùng.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Cố thận an thai. Chủ trị chứng thai yếu, thai động, lưng nhức mỏi, bụng dưới trụy, âm đạo ra huyết đỏ, hoặc đã có lần hoạt thai, thai teo không phát triển, tiếng tim thai nhỏ yếu.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng bài thuốc trị chứng dọa sẩy, sẩy thai liên tiếp, thai nhi phát triển chậm; cũng dùng trị rối loạn kinh nguyệt, hội chứng tiền mãn kinh hoặc các chứng khác do thận hư âm huyết bất túc.

1. *Chứng dọa sẩy:* Bài thuốc gia giảm trị 160 ca. Kết quả 127 ca, không kết quả 33 ca. *(Báo Trung Y Cấp, số tháng 2-1990).* Bài thuốc gia vị trị 110 ca khác trong đó có 14 ca dùng thêm lutein và vitamin E. Kết quả có kết quả đạt tỷ lệ 96,36%. *(Tạp chí Trung Tây Y Kết Hợp, số tháng 7-1987).*

2. Thai động: Bài thuốc gia đảng sâm, sơn dược, bạch thược, cam thảo trị 150 ca. Kết quả có kết quả 129 ca, không kết quả 21 ca. Thời gian cầm máu bình quân là 5,2 ngày. *(Báo Trung Y Bắc Kinh, số tháng 5-1986).*

3. Thai nhi chậm phát triển: Bài thuốc gia đảng sâm, hoàng kỳ, bạch truật; đương qui, thục địa trị 6 ca. Kết quả đều khỏi. *(Tạp chí Trung Y Triết Giang, số tháng 9-1989).*

4. Trị phản ứng sau khi đặt vòng ngừa thai: Dùng bài thuốc kết hợp với bài Cử nguyên tiễn gia vị trị 1 ca phụ nữ 30 tuổi sau khi đặt vòng 3 ngày đau từng cơn

khó trở mình kèm theo âm đạo ra máu. Kết quả sau khi uống 2 thang bụng đau giảm, hết xuất huyết âm đạo. *(Tạp chí Y Học Thực dụng, số tháng 2-1989).*

5. Hội chứng tiền mãn kinh: Bài thuốc gia đương qui, bạch truật, thiên về âm hư gia sinh địa, bạch thược trị 2 ca. Kết quả bệnh nhân sau khi uống thuốc 7-8 thang đều khỏi. *(Báo Trung Y Hà Bắc, số tháng 1-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng hoạt thai, động thai. Trong bài, thỏ ti tử, tang ký sinh, tục đoạn bổ thận an thai, a giao chỉ huyết bổ huyết.

Lúc uống thuốc sắc có thể gia vị như khí hư gia đảng sâm, hoàng kỳ, bạch truật; huyết hư gia đương quy, thục địa; thiên nhiệt gia hoàng cầm, trữ ma căn, bạch thược; khí trệ gia tô ngạnh, sa nhân...

ĐƯƠNG QUI TÁN

(Hán - Kim quỹ yếu lược)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, hoàng cầm, thược dược, xuyên khung đều 500g, bạch truật 250g. Các vị thuốc tán bột. Mỗi lần uống 1,5g, ngày uống 2 lần với rượu hoặc nước sôi nóng. Cũng có thể dùng thuốc phiến sắc uống, liều lượng mỗi vị thuốc ít hơn so với bình thường.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Dưỡng huyết an thai thanh nhiệt điều kinh. Chủ trị phụ nữ thời kỳ thai nghén huyết hư có nhiệt, thai động sanh khó hoặc kinh nguyệt trước kỳ bụng đau, hoặc sau sanh hư nhược nước ối không ra.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng trị chứng thai động hoặc chứng rối loạn kinh nguyệt.

1. Chứng động thai: Dùng bài thuốc gia giảm sắc uống đều có kết quả.

2. Chứng rối loạn kinh nguyệt: Dùng bài thuốc gia giảm trị kinh trước kỳ kèm đau bụng có kết quả.

3. Thai nhi phát triển chậm trong tử cung: Bài thuốc gia vị trị 40 ca. Trường hợp đau lưng, chân yếu, tiền sử có sẩy thai gia tang ký sinh, tục đoạn; tiêu lỏng, ăn kém, giọng nói nhỏ, mạch nhược gia đảng sâm, hoàng kỳ; sắc mặt tái nhợt, thiếu máu, tăng lượng đương qui, bạch truật; âm hư hỏa vượng gia sinh địa, địa cốt bì; dương hư gia ít nhục quế. Dùng thuốc tăng sức điều trị làm lô đối chứng. Kết quả khỏi 39 ca, không kết quả 1 ca. Các chỉ tiêu khác như tăng trọng của mẹ, độ cao của đáy tử cung, mức độ mất máu lúc sanh, tỷ lệ trị khỏi thiếu máu lúc sanh, và cân nặng của trẻ sơ sinh đều cao hơn rõ so với lô đối chứng. *(Tạp chí Trung Y Dược Thượng Hải, số tháng 3-1988).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Chủ yếu dùng trị chứng huyết hư, thai động. Trong bài, đương qui, bạch thược, xuyên khung dưỡng huyết hòa huyết hợp hoàng cầm, bạch truật an thai. Trường hợp dùng thuốc sắc, nếu triệu chứng có đau mỏi vùng eo lưng, gia tang ký sinh, thỏ ti tử; buồn ói gia tô ngạnh, sa nhân...

Những bài thuốc cùng tên

1. Đương qui tán *(Thiên kim phương)* gồm quế tâm, phụ tử, xuyên tiêu, đương qui, trạch lan, xuyên khung, cam thảo. Chủ trị các chứng gãy xương, cổ tay, vai, chân đau.

2. Đương qui tán *(Thái bình thánh huệ phương)* gồm hơn 20 vị thuốc, trong đó bài trị chứng thai động nhiều, bụng đau gồm có đương qui, ngải diệp, a giao, thục địa, xuyên khung, bạch thược, bào khương, chích thảo, đạo táo.

3. Đương qui tán *(Đan khê tâm pháp)* gồm đương qui, sao xuyên sơn giáp, sao bổ hoàng, chu sa, xạ hương chủ trị chứng bế kinh.

AN THAI HÒA KHÍ ẨM

(Thanh - Thương khoa bổ yếu)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, bạch thược, xuyên khung, hoàng cầm, bạch truật, sinh địa, sa nhân, sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Dưỡng huyết lý thương, hòa khí an thai. Chủ trị thai phụ té ngã tổn thương, thai động.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị thai phụ té ngã tổn thương, dọa sẩy.

1. Thai phụ té ngã tổn thương: Dùng bài thuốc trị có kết quả tốt. *(Học Báo Học Viện Trung Y Cam Túc, số tháng 2-1989).*

2. Dọa sẩy thai: Dùng bài thuốc gia thêm hoàng kỳ, thái tử sâm, tang ký sinh, thỏ ti tử, đỗ trọng là chính, dùng trị 2 ca. Trường hợp âm đạo xuất huyết gia hạn liên thảo, địa du; đau bụng nhiều gia liều bạch thược. Thời gian uống thuốc lâu hơn thời gian sẩy thai lần trước. Kết quả có kết quả 18 ca, không kết quả 5 ca. *(Học Báo Học Viện Trung Y An Huy, số tháng 1-1989).* Một báo cáo khác dùng bài thuốc gia giảm trị 62 ca thuộc thể tỳ thận dương hư. Kết quả có kết quả 57 ca, đều sanh đủ tháng, không kết quả 5 ca. *(Tạp chí Trung Tây Y kết hợp, số tháng 4-1985).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu do bài Đương qui tán (Sách Kim quĩ yếu lược) *gia vị mà thành. Trong bài, xuyên khung, đương qui, sinh địa, bạch thược lý thuyết hòa thương, hoàng cầm, bạch truật, sa nhân an thai là đặc ddieerm phối ngũ của bài thuốc. Trên lâm sàng dùng trị chứng sản phụ té ngã tổn thương, thai động, lưỡi có điểm ứ huyết. Trên lâm sàng nếu lưng có đau nhức gia thêm tục đoạn, đỗ trọng, tang ký sinh, thỏ ti tử; bụng đau, đỏ gia a giao, trữ ma căn.*

ĐƯƠNG QUI SINH KHƯƠNG DƯƠNG NHỤC THANG

(Hán - Kim Quĩ yếu lược)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui 9g, sinh khương 15g, thịt dê 100g. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ôn trung bổ huyết khư hàn chỉ thống. Chủ trị chứng huyết hư có hàn, hàn sán bụng đau, hoặc sau sanh bụng dưới đau lan đến lưng sườn, thích ấm thích xoa ấn, rêu lưỡi trắng, mạch hư đại hoặc trầm huyền sác.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc thường dùng trị chứng sán khí (sa ruột), sau sanh bụng đau hoặc trị bế kinh, băng lậu.

1. Trị đau do sa ruột: Bài thuốc gia nhục quế, ô dược, trầm hương trị thoát vị bẹn gây đau. Trường hợp đau nặng gia quất hạch, mộc hương, xuyên luyện tử, diên hồ sách; hàn nặng gia ngô thù du, ca khương, phụ tử; ứ huyết gia đào nhân hồng hoa, đơn sâm; can thận bất túc gia đương qui, kỷ tử, thủ ô, thỏ ti tử.

2. Bế kinh: Đã dùng trị 2 ca. Kết quả sau khi uống thuốc từ 18 đến 20 thang toàn bộ khỏi. Theo dõi một thời gian, kinh nguyệt bình thường. *(Quốc Y Luận Đàn, số tháng 2-1989).*

3. Băng lậu: Dùng bài này trị 1 bệnh nhân mắc bệnh đã 8 tháng, 2 tháng nay nặng hơn, mất máu nhiều, sắt mặt vàng tái, khó thở, hồi hộp sợ lạnh, chân tay mát, bụng dưới đau âm ỉ. Kết quả sau khi uống 1 tháng hết ra máu; uống thêm vài thang nữa bệnh khỏi. *(Học Báo Trung Y Học Viện Bắc Kinh, số tháng 3-1990).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng điều trị chứng huyết hư có hàn, bụng dưới đau. Trong bài, đương qui, thịt dê ôn trung bổ huyết, hợp với sinh khương ôn trung trừ hàn. Trường hợp trên lâm sàng hàn nặng, gia liều sinh khương, hoặc gia nhục quế, phụ tử; bụng đau nhiều gia ô dược, trầm hương, xuyên luyện tử; đau mà nôn gia quất bì, bạch truật; khí hư gia đảng sâm, hoàng kỳ.

Những bài thuốc cùng tên

Đương qui dương nhục thang *(Thành phương thiết dụng)* là bài này gia hoàng kỳ, nhân sâm có tác dụng ích khí dưỡng huyết, ngọt ôn trừ nhiệt. Chủ trị chứng sau sanh hư lao, khí huyết bất túc, phát sốt tự hãn, chân tay đau nhức, mệt mỏi yếu sức, lưỡi sắc nhợt, mạch hư.

THÔNG NHŨ ĐƠN

(Thanh - Truyền thanh chủ nữ khoa) cũng gọi Sinh nhũ đơn

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhân sâm, hoàng kỳ đều 30g, đương qui 60g, mạch môn đông 15g, mộc thông, cát cánh đều 1g, móng chân heo 2 cái. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Ích khí dưỡng huyết thông nhũ. Chủ trị chứng sau sanh khí huyết hư, sữa ít, sắc mặt tái nhợt, mệt mỏi hụt hơi, sắc lưỡi nhợt rêu mỏng, mạch nhu tế.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Dùng trị phụ nữ sau sanh ít sữa.

*** Chú ý lúc dùng:**

Chủ yếu dùng trị phụ nữ sau sanh khí huyết hư ít sữa. Trong bài lượng lớn nhân sâm, hoàng kỳ, đương qui bổ ích khí huyết, móng chân heo mộc thông ích khí thông nhũ.

Những bài thuốc cùng tên

Thông nhũ thang *(Tạp bệnh nguyên lưu tê chúc)* gồm móng chân heo đực, thông thảo, xuyên khung, sao xuyên sơn giáp, cam thảo. Chủ trị sản hậu khí huyết hư nhược, không có sữa.

THĂNG DƯƠNG CỬ KINH THANG

(Kim - Lam thất bí tàng)

*** Thành phần và cách dùng:**

Nhục quế, bạch thược, hồng hoa đều 1,5g, tế tân 1,8g, nhân sâm, thục địa, xuyên khung đều 3g, độc hoạt, bào phụ tử, chích cam thảo đều 4,5g, khương hoạt, cao bản, phòng phong đều 6g, bạch truật, đương qui, hoàng kỳ, sài hồ đều 9g, đào nhân 10 hạt. Tất cả tán thành bột thô, mỗi lần 9-15g sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ huyết ích khí thăng dương điều kinh. Chủ trị chứng kinh nguyệt kéo dài, khí huyết muốn thoát.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng xuất huyết tử cung cơ năng gây nên lượng kinh nguyệt quá nhiều, các chứng thiếu máu, tiêu tiểu ra máu.

1. Tử cung xuất huyết cơ năng: Bài thuốc gia hạn liên thảo. Trường hợp băng lậu lâu ngày không khỏi, gia thêm a giao, tiên hạc thảo; bụng dưới đau gia ngãi diệp, ô dược.

2. Tiêu ra máu: Bài thuốc gia tiên hạc thảo, táo tâm thổ trị chứng xuất huyết đường tiêu hóa trên gây tiện huyết. Trường hợp bụng trên đau rõ gia hương phụ, mộc hương, diên hồ sách.

3. Chứng thiếu máu: Bài thuốc gia hoàng tinh, a giao trị các loại thiếu máu. Trường hợp kèm xuất huyết gia tiên hạc thảo, hạn liên thảo, tinh thần mệt mỏi, sắc mặt vàng tái nặng, gia qui bảo giao, lộc giáo giao, nhục thung dung.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng băng lậu ở phụ nữ. Trong bài dùng nhân sâm, hoàng kỳ, thăng ma, phụ tử để thăng dương ích khí, phối hợp đương qui, bạch thược, thục địa, xuyên khung bổ huyết điều kinh.

Bài thuốc cùng tên

Thăng dương điều kinh thang *(Lam thất bí tàng)* gồm thăng ma, cát căn, long đảm thảo, hoàng cầm, nga truật, tam lăng, cam thảo, hoàng liên, liên kiều, cát cánh, đương qui, thược dược, hoàng bá, tri mẫu có tác dụng tả hỏa, giải độc, thăng dương hóa đàm, chủ trị chứng loa lịch sưng đau.

DƯƠNG CAN HOÀN

(Phổ - Cứu bị cấp phương)

*** Thành phần và cách dùng:**

Hoàng liên 30g, gan dê 1 bộ. Các vị thuốc tán bột mịn tẩm nước làm hoàn bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 9g, ngày uống 2 lần.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Thanh nhiệt tả hỏa, bổ can minh mục. Chủ trị chứng bạch nội chướng, màng mây, chứng quáng gà trong nhãn khoa.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Có thể dùng trị các chứng mờ mắt, quáng gà, teo thị thần kinh.

Trị teo thị thần kinh thị giác: Dùng bài thuốc gia vị trị 73 ca. Thời gian uống thuốc từ 3-9 tháng. Kết quả khỏi cơ bản 16 ca, có tiến bộ 32 ca, không kết quả 25 ca. *(Bản tin Trung Y Dược, số tháng 2-1987).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng quáng gà. Trong bài gan dê dùng bổ tạng, dưỡng can minh mục, phối hợp hoàng liên thanh can tả hỏa. Trong bài này chủ yếu dùng gan dê. Có thể dùng gan gà, gan bò hoặc gan lợn thay thế.

Những bài thuốc cùng tên

1. Dương can hoàn *(Phổ tế bản thị phương)* gồm gan dê thiến, cam cúc hoa, bá tử nhân, khương hoạt, tế tân, quan quế, bạch truật, ngũ vị tử, hoàng liên. Có tác dụng dưỡng can, trừ phong, minh mục. Chủ trị mục nội chướng.

2. Dương can hoàn *(Loại uyển phương)* có gan dê, dạ minh sa, thuyền thoái, mộc tặc, đương qui. Có tác dụng dưỡng can, trừ chương, minh mục. Chủ trị chứng quáng gà, ế chướng.

3. Dương can hoàn *(Thái bình thánh huệ phương)* gồm gan dê, khô phàn. Chủ trị chứng lãnh lao lâu ngày không khỏi, ăn kém tả lỵ uống nhiều thuốc không kết quả.

BỔ CAN THANG

(Thanh - Y tông kim giám)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, bạch thược, thục địa đều 10g, chích thảo, xuyên khung, mộc qua, toan táo nhân đều 6g. Sắc nước uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ can dưỡng cân minh mục. Chủ trị chứng can huyết bất túc gân dãn, chân tay yếu, mắt mờ nhìn không rõ, chất lưỡi nhợt, mạch huyền tế.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng cơ cẳng chân co rút, viêm thần kinh ngoại vi, chứng run giật chân tay, quáng gà; cũng có thể dùng trị chứng đau cột sống cổ, viêm gan mạn tính...

1. Chứng run giật cơ cẳng chân: Dùng bài thuốc gia giảm trị 12 ca. Kết quả sau khi uống thuốc 6-12 thang đều khỏi. *(Báo Trung Y Dược Quảng Tây, số tháng 4-1990).*

2. Viêm dây thần kinh ngoại vi: Bài thuốc gia giảm trị 1 ca mắc bệnh đã 2 năm, hai tay tê dại, đau nhức, mỗi lần cảm lạnh, lao động quá sức bệnh tăng. Kết quả sau khi uống 3 thang, triệu chứng giảm nhẹ; uống tiếp 9 thang bệnh khỏi, theo dõi 1 năm không thấy tái phát. *(Tạp chí Trung Y Liêu Ninh, số tháng 11-1989).*

7. Chứng run giật chân tay: Bài thuốc gia giảm, dùng trị 1 bệnh nhân đã mắc bệnh đã 1 năm, chân tay run giật không tự chủ. Kết quả uống 3 thang, bệnh giảm nhiều, uống thêm 6 thang khỏi bệnh. Theo dõi 1 năm không thấy tái phát. *(Báo Trung Y Tạp chí Liêu Ninh, số tháng 11-1989).*

4. Trẻ em quáng gà: Bài thuốc gia giảm trị một em bé cứ lúc chập tối là không thấy rõ, đi lại khó khăn. Kết quả khỏi sau khi uống hết 4 thang. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 11-1987)*

5. Chứng đau cột sống cổ: Bài thuốc gia giảm trị 1 bệnh nhân mắc bệnh đã 5 tháng, gáy cứng đau quay đầu khó, chụp X quang phát hiện có gai ở đốt cổ 5,6. Kết quả uống 15 thang hết đau, tiếp tục uống thêm 10 thang củng cố. *(Báo Trung Y Tứ Xuyên, số tháng 2-1989).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị can huyết bất túc, gân giãn mắt mờ. Trong bài có tứ vật thang bổ huyết điều huyết để trị bản, phối hợp với mộc qua dưỡng can thư cân. Trường hợp lâm sàng triệu chứng huyết hư nặng gia thêm hà thủ ô, kỷ tử; khí hư gia hoàng kỳ, nhân sâm; chân tay run giật gia toàn yết, địa long.

Những bài thuốc cùng tên

1. Bổ can thang (*Thiên kim yếu phương)* gồm cam thảo, tế tân, sơn thù dù, quế tân, đào nhân, bá tử nhân, phục linh, phòng phong, đại táo. Có tác dụng nhu can hoãn cấp, chủ trị chứng can khí bất túc, hai mạn sườn đầy, cân cấp khó thở, chân tay quyết lạnh.

2. Bổ can thang *(Lam thất bí tàng)* có sài hồ, thăng ma, cao bản, thương truật, bán hạ, thần khúc, phục linh, sinh khương. Có tác dụng tán phong hòa vị hóa đàm; chủ trị chứng cảm phong tà, đau đầu, sợ gió, nôn, buồn nôn, chán ăn, ho, đàm lỏng.

3. Bổ can thang *(Kim quĩ đực)* có địa hoàng, đương qui, bạch thược, xuyên khung, trần bì, cam thảo. Có tác dụng dưỡng can, hoàn cấp chỉ thống; chủ trị chứng can hư hiếp thống, mạn sườn tức căng khó thở, mắt mờ.

TRÁNG CÂN DƯỠNG HUYẾT THANG

(Thanh - Thương khoa bổ yếu)

*** Thành phần và cách dùng:**

Đương qui, bạch thược, tục đoạn, đỗ trọng, sinh địa, xuyên khung, hồng hoa, đơn bị, ngưu tất. Theo liều lượng mỗi vị thuốc thường dùng trên lâm sàng sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Dưỡng huyết hoạt lạc, cường cân tráng yêu. Chủ trị ngoại thương cân lạc, gân xương yếu.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Bài thuốc có thể dùng trị chấn thương lâu ngày, chấn thương do lao động, lưng đùi đau nhức.

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chú yếu dùng trị chứng huyết hư huyết ứ do chấn thương ngoại khoa trong lao động. Trong phương thuốc, bài tứ vật dưỡng huyết hoạt huyết hợp với đỗ trọng, ngưu tất làm mạnh gân lưng. Trường hợp khí huyết hư nhiều gia hoàng kỳ, đảng sâm, bạch truật, huyết hư gia thục địa, hà thủ ô, kè huyết đằng; trường hợp chấn thương ở lưng gia thêm tang ký sinh, địa miết trùng. Trong Y văn cổ có bài Bổ thận tráng cân thang (Thương khoa bổ yếu) *gồm có thục địa, đương qui, bạch thược, ngưu tất, sơn thù nhục, phục linh, xuyên đoạn, đỗ trọng, ngũ gia bì, thanh bì; có tác dụng bổ ích can thận hoạt huyết tráng cân; chủ trị chứng sái khớp hàm dưới và khớp vai và chứng đau nhức lưng gối sau chấn thương.*

BỔ THẬN DƯỠNG HUYẾT THANG

(Thanh - Thương khoa đại thành)

*** Thành phần và cách dùng:**

Thục địa, bổ cốt chi, thỏ ti tử, đơn sâm, sung úy tử đều 9g, kỷ tử 4,5g, đương qui 6g, đỗ trọng, bạch thược, sơn thù, nhục thung dung đều 3g, hồng hoa 1,5g, hạch đào nhục 12g. Sắc uống.

*** Tác dụng và chủ trị:**

Bổ can ích thận dưỡng huyết cường cân. Chủ trị chứng trật khớp.

*** Ứng dụng lâm sàng:**

Thường dùng trị chứng cơ lưng tổn thương, lưng đùi đau, trật khớp nhiều lần; cũng dùng làm thuốc bổ ích can thận.

1. *Trật khớp:* Những trường hợp trật khớp nhiều lần, uống bài thuốc này lâu dài sẽ có hiệu quả.

2. *Chấn thương cơ lưng:* Dùng bài thuốc gia hà thủ ô, sinh địa có tác dụng bổ hư.

3. *Can thận hư tổn:* Dùng bài thuốc gia thêm xuyên đoạn, tang ký sinh, cẩu tích chế dùng điều trị có hiệu quả.

4. *Chứng vô sinh:* Đã dùng bài thuốc gia giảm trị 624 ca. Thận dương hư gia ba kích thiên, lộc giác sương; thận âm hư gia sinh địa, hà thủ ô, nữ trinh tử; tỳ hư gia đảng sâm, bạch truật, kê huyết đằng; can uất gia hương phụ uất kim, thiên hoa phấn; tử cung lạnh gia nhục quế, ba kích, ô dược; ứ huyết gia huyền hồ, địa miết trùng; khí trệ gia nga truật, mộc hương; huyết hư gia a giao, hoàng tinh; đàm thấp nhiều gia phục linh, tử thạch anh, thiên nam tinh. Kết quả khỏi 316 ca trong đó số bệnh nhân được điều trị trong 1 liệu trình (18 ngày) là 274 ca *(Tạp chí Trung Y Hồ Bắc, số tháng 5-1988).*

5. *Chứng ngứa ngoài da ở người cao tuổi:* Bài thuốc gia giảm điều trị 25 ca. Ngứa nhiều gia khổ sâm, địa phu tử, câu đằng; không ngủ được gia sao táo nhân,

sinh long cốt, sinh mẫu lệ, hợp hoan bì, dạ giao đằng; váng đầu gia cúc hoa; chân lạnh, sợ lạnh gia tiên linh tỳ, táo bón gia hỏa ma nhân, sinh đại hoàng. Kết quả trị khỏi 14 ca, tốt 4 ca, có kết quả 5 ca, không kết quả 2 ca. *(Học Báo Trung Y Dược, số tháng 5-1988).*

*** Chú ý lúc dùng:**

Bài thuốc chủ yếu dùng trị chứng can thân bất túc, trật khớp.Trong bài, địa hoàng, bổ cốt chi, thỏ ti tử, thung dung, đỗ trọng, hạch đào nhục bổ thận; hợp với đương qui, bạch thược, đơn sâm, sung úy tử, hồng hoa dưỡng huyết hoạt huyết. Có bài Bổ thận hoạt huyết thang (Thương khoa đại thành) *gồm các vị thục địa, sơn được, ngưu tất, tục đoạn, uy linh tiên, đỗ trọng, cẩu tích, hồng hoa, đào nhân, đương qui, xuyên khung, khương hoạt, ô dược, cam thảo, mộc qua địa long. Có tác dụng bổ ích can thận, hoạt lạc thư cân, chủ trị chứng lưng đùi đau do chấn thương ngoại khoa.*